

BIÊN BẢN HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NƯỚC SẠCH SÔNG ĐÀ

Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà.

Trụ sở chính: Xóm Vật Lại, Xã Thịnh Minh, Thành phố Hòa Bình, Tỉnh Hòa Bình.

Giấy chứng nhận ĐKKD: số 5400310164 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình cấp ngày 17/12/2009; thay đổi lần thứ 6 ngày 24/02/2020;

Hôm nay, ngày 19 tháng 04 năm 2022, vào hồi 8^h 30' tại Hội trường Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà (Xóm Vật Lại, Xã Thịnh Minh, Thành phố Hòa Bình, Tỉnh Hòa Bình), Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà được tiến hành với các nội dung sau:

I. PHẦN THỨ NHẤT - KHAI MẠC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Báo cáo thẩm tra tư cách Cổ đông:

Đại hội đã nghe Ông **Nguyễn Mạnh Hải** - Trưởng ban kiểm tra tư cách Cổ đông công bố kết quả kiểm tra xác nhận tư cách Cổ đông và đại diện Cổ đông dự họp như sau:

Tổng số Cổ đông và đại diện Cổ đông được quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà là 123 Cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, sở hữu hoặc đại diện sở hữu 75.000.000 cổ phần phổ thông.

(Danh sách Cổ đông được mời tham dự Đại hội được lập trên cơ sở danh sách chốt tại ngày 18/3/2022)

Tổng số Cổ đông và đại diện Cổ đông thực tế dự họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà là 16 Cổ đông, sở hữu/đại diện cho tổng số **73.868.564** cổ phần, tương đương với 98,5 % tổng số cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết của Công ty.

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Điều lệ Công ty, Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà đã hội đủ các điều kiện để tiến hành. Các Cổ đông và đại diện Cổ đông dự họp có quyền biểu quyết theo số cổ phần sở hữu hoặc đại diện.

2. Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu

Ông **Vương Ngọc Văn** – Giám đốc Ban Tổ chức Hành chính Công ty thay mặt Ban tổ chức Đại hội tiến hành các thủ tục:

2.1 Chào cờ và tuyên bố lý do tổ chức Đại hội

2.2 Giới thiệu Đại biểu, khách mời tham dự;

2.3. Giới thiệu Đoàn Chủ tịch, gồm:

+ Ông Nguyễn Hoàng Long - Chủ tịch HĐQT Công ty - Chủ tọa

+ Ông Trương Khắc Hoàn - P.Chủ tịch HĐQT Công ty



- | | | |
|---------------------------------------|--------------------------|----------------------------|
| + | Ông Bùi Lê Khoa | - P.Chủ tịch HĐQT Công ty |
| + | Ông Nguyễn Xuân Quý | - Ủy viên HĐQT Công ty |
| + | Ông Nguyễn Anh Tuấn | - Ủy viên HĐQT Công ty. |
| 2.4. Chủ tọa chi định Ban thư ký gồm: | | |
| + | Bà : Đinh Thị Thùy Dương | – Thư ký HĐQT - Trưởng ban |
| + | Bà: Trần Minh Nghĩa | - Thành viên |

3. Thông qua Chương trình Đại hội; Quy chế làm việc của Đại hội, Quy chế bầu cử thành viên Ban kiểm soát: Bầu Ban kiểm phiếu/bầu cử tại Đại hội;

- Đại hội đã nghe Ông Vương Ngọc Văn – Giám đốc Ban Tổ chức Hành chính thay mặt Ban tổ chức đọc Chương trình Đại hội, Quy chế làm việc của Đại hội, Quy chế bầu cử thành viên Ban kiểm soát:

Đại hội đã biểu quyết thông qua với số phiếu biểu quyết tán thành là: **73.868.564** phiếu, đạt **100%** tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội, không có phiếu biểu quyết không tán thành hoặc không có ý kiến.

- Đại hội đã biểu quyết thông qua việc bầu Ban kiểm phiếu/bầu cử tại Đại hội gồm các Ông/bà có tên sau:

- | | |
|------------------------|--------------|
| Ông Nguyễn Mạnh Hải | - Trưởng Ban |
| Ông Đặng Gia Mười; | - Thành viên |
| Bà Nguyễn Thị Vân Anh; | - Thành viên |
| Ông Nguyễn Minh Đức | - Thành viên |

Đại hội đã biểu quyết thông qua với số phiếu biểu quyết tán thành là **73.868.564** phiếu, đạt **100%** tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội, không có phiếu biểu quyết không tán thành hoặc không có ý kiến.

II. PHẦN THỨ HAI - CÁC NỘI DUNG ĐƯỢC TRÌNH BÀY TẠI ĐẠI HỘI

1. Ông Nguyễn Xuân Quý – Tổng Giám đốc Công ty đã trình bày trước Đại hội:

- Báo cáo số 118/2022/BC – HĐQT ngày 25/03/2022 của Hội đồng quản trị Công ty về báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022;

- Tờ trình số 28/2022/TTr-HĐQT ngày 25/3/2022 của Hội đồng quản trị Công ty về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà

2. Ông Nguyễn Anh Tuấn – Thành viên HĐQT đã trình bày trước Đại hội:

- Báo cáo số 125/2022/BC- HĐQT ngày 25/3/2022 của Hội đồng quản trị Công ty về việc thực hiện các nội dung ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông cho Hội đồng quản trị;

- Báo cáo số 124/2022/BC- HĐQT ngày 25/3/2022 của HĐQT công ty về hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021 và phương hướng nhiệm vụ năm 2022.

3. Ông Đào Gia Thắng – Kế Toán Trưởng Công ty trình bày trước đại hội:

- Tờ trình số 126/2022/TTr-HĐQT ngày 25/3/2022 của Hội đồng quản trị về việc Thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam;

4. Ông Nguyễn Việt Hà – Trưởng Ban kiểm soát Công ty trình bày trước Đại hội:

- Báo cáo ngày 25/3/2022 của Ban kiểm soát về kết quả hoạt động của Ban kiểm soát

Công ty năm 2021;

- Tờ trình số 122/2022/TTr- HĐQT ngày 25/3/2022 của Ban kiểm soát về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty.

- Tờ trình số 121/2022/TTr- HĐQT ngày 25/3/2022 của Ban kiểm soát về việc xin phê duyệt Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty.

5. Ông Bùi Lê Khoa - P.Chủ tịch HĐQT Công ty trình bày trước Đại hội:

- Tờ trình số 127/2022/TTr- HĐQT ngày 25/3/2022 của Hội đồng quản trị Công ty về việc chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2021 và phương án thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát 2022;

- Tờ trình số 123/2022/TTr- HĐQT ngày 25/3/2022 của Hội đồng quản trị Công ty về phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 và kế hoạch chi trả cổ tức năm 2022;

6. Ông Trương Khắc Hoàn – P.Chủ tịch HĐQT Công ty trình bày trước Đại hội:

- Tờ trình số 130/2022/TTr-BKS ngày 25/3/2022 của Hội đồng quản trị Công ty về việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2021 -2026.

III. PHẦN THỨ BA – THẢO LUẬN TẠI ĐẠI HỘI:

1. Cổ đông Phạm Ngọc Phú, nắm giữ 30.408 cổ phần đã có câu hỏi liên quan đến một số nội dung: (1) Về mực nước sông Đà xuống thấp ở phía hạ lưu ảnh hưởng đến nguồn nước đầu vào của Công ty, vậy giải pháp của công ty là gì để đảm bảo cấp nước cho hoạt động sản xuất kinh doanh; (2) giá nước của công ty hiện tại đang xây dựng thay đổi theo hướng như nào, có thuận lợi cho công ty không? (3) Như được biết, trong tháng 2/2021, Công ty đã bị xử phạt về vi phạm hành chính về thuế, vậy công ty đã rút kinh nghiệm như nào để không xảy ra những việc tương tự trong thời gian tới; (4) Hiện công ty đang thực hiện bán buôn nước sạch, vậy liệu trong tương lai khi Dự án giai đoạn II hoàn thành, sản lượng tăng lên thì công ty có tính đến phương án bán lẻ không?

Ông Nguyễn Xuân Quý đại diện cho Đoàn chủ tịch đã có ý kiến trả lời đầy đủ với các nội dung câu hỏi của Cổ đông, cụ thể như sau: (1) Về việc mực nước sông Đà xuống thấp ở phía hạ lưu: hiện Công ty đã có giải pháp ngắn hạn là làm việc với Công ty thủy điện Hòa Bình và Tập đoàn Điện lực Việt Nam để điều tiết mực nước, hiện tại đảm bảo nguồn nước cho sản xuất kinh doanh; về giải pháp về lâu dài: hiện công ty đang triển khai đầu tư xây dựng Trạm bơm đầu kênh ở đầu kênh để khắc phục được việc thiếu nước về lâu dài, đảm bảo nhà máy sản xuất ổn định; (2) Về việc xây dựng giá bán nước sạch: Hiện tại, UBND thành phố Hà Nội đang chỉ đạo các Công ty tổ chức xây dựng giá bán buôn nước sạch. Công ty đang phối hợp với Sở Tài chính Hà Nội tổ chức thực hiện các nội dung liên quan theo đúng quy định của pháp luật; (3) Về việc xử phạt hành chính về thuế: Công ty đã chỉ đạo triển khai thực hiện các giải pháp khắc phục để đảm bảo tuân thủ đúng quy định pháp luật về Thuế, đồng thời đã có những giải pháp để đảm bảo không xảy ra những sự việc tương tự trong thời gian tới; (4) Về việc kế hoạch tổ chức bán lẻ nước sạch: Hiện tại Công ty vẫn đang thực hiện cấp nước theo đúng vùng quy hoạch của Dự án được phê duyệt. Về việc tổ chức bán lẻ nước sạch có thể sẽ được Công ty xem xét và có đề xuất với ĐHCĐ trong thời gian tới.

Sau khi nghe đại diện Đoàn chủ tịch trả lời, Cổ đông không có ý kiến gì thêm.

IV. PHẦN THỨ TƯ - KẾT QUẢ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI

Ông Nguyễn Hoàng Long – Chủ tọa Đại hội nêu lần lượt các vấn đề được đưa ra và biểu quyết từng vấn đề tại Đại hội theo hình thức biểu quyết theo phiếu biểu quyết và bầu dồn

phiếu (đối với bầu cử thành viên Ban kiểm soát), kết quả biểu quyết như sau:

1. Báo cáo số 118/2022/BC – HĐQT ngày 25/3/2022 báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022:

Đại hội đồng Cổ đông thống nhất thông qua toàn văn Báo cáo số 118/2022/BC – HĐQT ngày 25/3/2022 của Ban Giám đốc Công ty về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 và kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022, với các chỉ tiêu chính như sau:

TT	Khoản mục chỉ tiêu chính	ĐVT	Thực hiện 2021	Kế hoạch 2022
1	Sản lượng(m3)	m3	101.862.498	104.351.517
2	Doanh thu từ hoạt động SXKD	Tỷ đồng	524,97	537,89
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	198,675	175,035

Đại hội đồng Cổ đông giao và ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty căn cứ vào diễn biến tình hình và mức độ ảnh hưởng của Dịch Covid 19 xem xét quyết định điều chỉnh các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chính năm 2022 của công ty cho phù hợp.

Đại hội đồng Cổ đông đã biểu quyết với kết quả như sau:

- Tổng số phiếu biểu quyết tán thành là: **73.868.564** phiếu, chiếm 100 % tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội;
- Tổng số phiếu biểu quyết không tán thành là 0 phiếu, chiếm 0 % tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội;
- Tổng số phiếu biểu quyết không có ý kiến là 0 phiếu, chiếm 0 % tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

2. Báo cáo số 124/2022/BC- HĐQT ngày 25/3/2022 của HĐQT công ty về hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021 và phương hướng nhiệm vụ năm 2022.

Đại hội đồng Cổ đông thống nhất thông qua toàn văn Báo cáo số 124/2022/BC- HĐQT ngày 25/3/2022 về hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty năm 2021 và phương hướng nhiệm vụ năm 2022.

Đại hội đồng Cổ đông đã biểu quyết với kết quả như sau:

- Tổng số phiếu biểu quyết tán thành là: **73.868.564** phiếu, chiếm 100 % tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội;
- Tổng số phiếu biểu quyết không tán thành là 0 phiếu, chiếm 0 % tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội;
- Tổng số phiếu biểu quyết không có ý kiến là 0 phiếu, chiếm 0 % tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

3. Báo cáo số 125/2022/BC- HĐQT ngày 25/3/2022 của Hội đồng quản trị Công ty về việc thực hiện các nội dung ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông cho Hội đồng quản trị Công ty.

Đại hội đồng Cổ đông thống nhất thông qua (1) toàn văn cáo số 125/2022/BC- HĐQT ngày 25/3/2022 của Hội đồng quản trị Công ty về việc thực hiện các nội dung ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông cho Hội đồng quản trị; (2) tiếp tục ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty

thực hiện các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Đại hội đồng cổ đông được pháp luật/Điều lệ Công ty quy định liên quan đến việc triển khai, thực hiện Dự án giai đoạn II phù hợp với quy định của Pháp luật hiện hành. Hội đồng quản trị Công ty có trách nhiệm báo cáo Đại hội đồng Cổ đông tại kỳ họp Đại hội đồng Cổ đông gần nhất về việc thực hiện các nội dung ủy quyền trên.

Đại hội đồng Cổ đông đã biểu quyết với kết quả như sau:

- Tổng số phiếu biểu quyết tán thành là: **73.868.564** phiếu, chiếm 100 % tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội;
- Tổng số phiếu biểu quyết không tán thành là 0 phiếu, chiếm 0 % tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội;
- Tổng số phiếu biểu quyết không có ý kiến là 0 phiếu, chiếm 0 % tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

4. Tờ trình số 126/2022/TTr-HĐQT ngày 25/3/2022 của Hội đồng quản trị về việc Thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam:

Đại hội đồng Cổ đông thống nhất thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.

Đại hội đồng Cổ đông đã biểu quyết với kết quả như sau:

- Tổng số phiếu biểu quyết tán thành là: **73.868.564** phiếu, chiếm 100 % tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội;
- Tổng số phiếu biểu quyết không tán thành là 0 phiếu, chiếm 0 % tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội;
- Tổng số phiếu biểu quyết không có ý kiến là 0 phiếu, chiếm 0 % tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

5. Tờ trình số 122/2022/TTr- HĐQT ngày 25/3/2022 của Ban kiểm soát Công ty về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty.

Đại hội đồng Cổ đông thống nhất thông qua nội dung đề xuất tại Tờ trình số 122/2022/TTr-HĐQT ngày 25/3/2022 của Ban kiểm soát Công ty về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty. Đại hội đồng Cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong các đơn vị kiểm toán dưới đây để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty:

- + Công ty TNHH KPMG Việt Nam;
- + Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam;
- + Công ty TNHH Deloitte Việt Nam;

Đại hội đồng Cổ đông đã biểu quyết với kết quả như sau:

- Tổng số phiếu biểu quyết tán thành là: **73.868.564** phiếu, chiếm 100 % tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội;
- Tổng số phiếu biểu quyết không tán thành là 0 phiếu, chiếm 0 % tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội;
- Tổng số phiếu biểu quyết không có ý kiến là 0 phiếu, chiếm 0 % tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

6. Tờ trình số 127/2022/BC- HĐQT ngày 25/3/2022 của Hội đồng quản trị Công ty về

việc chi trả thù lao HĐQT, Ban kiểm soát Công ty năm 2021 và phương án thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát 2022.

Đại hội đồng Cổ đông thông nhất thông qua nội dung đề xuất tại Tờ trình số 127/2022/TTr-HĐQT ngày 25/3/2022 của Hội đồng quản trị Công ty về kết quả chi trả thù lao HĐQT, Ban kiểm soát năm 2021 và phương án thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát 2022, cụ thể như sau:

Năm 2021: Thù lao HĐQT và BKS đã chi trả là: 2.395.000.000 đồng.

Trong đó:

HĐQT là: 1.995.000.000 đồng/năm

BKS là: 400.000.000 đồng/năm

Năm 2022: Kế hoạch trả thù lao HĐQT, BKS: 2.640.000.000 đồng,

Trong đó:

Thù lao HĐQT là: 2.040.000.000 đồng

Chủ tịch HĐQT là: 50.000.000 đ/tháng.

Thành viên HĐQT (04 người): 30.000.000 đ/người/tháng.

Thù lao BKS: 600.000.000 đồng

Trưởng BKS: 30.000.000 đ/tháng

Thành viên BKS (02 người): 10.000.000 đ/người/tháng

Đại hội đồng Cổ đông đã biểu quyết với kết quả như sau:

- Tổng số phiếu biểu quyết tán thành là: **73.868.564** phiếu, chiếm 100 % tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội;
- Tổng số phiếu biểu quyết không tán thành là 0 phiếu, chiếm 0 % tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội;
- Tổng số phiếu biểu quyết không có ý kiến là 0 phiếu, chiếm 0 % tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

7. Tờ trình số 123/2022/TTr- HĐQT ngày 25/3/2022 của Hội đồng quản trị Công ty về phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 và kế hoạch chi trả cổ tức năm 2022.

Đại hội đồng Cổ đông thông nhất thông qua nội dung đề xuất tại Tờ trình số 123/2022/TTr-HĐQT ngày 25/3/2022 của Hội đồng quản trị Công ty về phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 và kế hoạch chi trả cổ tức năm 2022:

TT	Nội dung	Tỷ lệ	Giá trị
1	Lợi nhuận trước thuế		209.357.087.609
2	Thuế TNDN		10.682.236.807
3	Lợi nhuận sau thuế (3) = (1) – (2)		198.674.850.802
4	Lợi nhuận chưa phân phối của năm trước		412.833.262.535
5	Lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 31/12/2021 là: (5) = (3) + (4)		611.508.113.337

6	Cổ tức năm 2021 bằng tiền	20%	150.000.000.000
7	Lợi nhuận chưa phân phối chuyển năm sau (7) = (5) - (6)		461.508.113.337
8	Kế hoạch trả cổ tức năm 2022	15%	

Đại hội đồng Cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị căn cứ vào tình hình thực tế năm 2022 và quy định của pháp luật để quyết định việc chi trả cổ tức năm 2021 và tạm ứng cổ tức năm 2022 cho phù hợp.

Đại hội đồng Cổ đông đã biểu quyết với kết quả như sau:

- Tổng số phiếu biểu quyết tán thành là: **73.868.564** phiếu, chiếm 100 % tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội;
- Tổng số phiếu biểu quyết không tán thành là 0 phiếu, chiếm 0 % tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội;
- Tổng số phiếu biểu quyết không có ý kiến là 0 phiếu, chiếm 0 % tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

8. Báo cáo ngày 25/3/2022 của Ban kiểm soát về kết quả hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021:

Đại hội đồng Cổ đông thống nhất thông qua toàn văn Báo cáo ngày 25/3/2022 của Ban kiểm soát về kết quả hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021.

Đại hội đồng Cổ đông đã biểu quyết với kết quả như sau:

- Tổng số phiếu biểu quyết tán thành là: **73.868.564** phiếu, chiếm 100 % tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội;
- Tổng số phiếu biểu quyết không tán thành là 0 phiếu, chiếm 0 % tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội;
- Tổng số phiếu biểu quyết không có ý kiến là 0 phiếu, chiếm 0 % tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

9. Tờ trình số 121/2022/TTr-BKS ngày 25/3/2022 về việc xin phê duyệt Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty.

Đại hội đồng Cổ đông thống nhất thông qua toàn văn Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà như đính kèm Tờ trình số 121/2022/TTr-BKS ngày 25/03/2022 của Ban kiểm soát Công ty.

Đại hội đồng Cổ đông đã biểu quyết với kết quả như sau:

- Tổng số phiếu biểu quyết tán thành là: **73.868.564** phiếu, chiếm 100 % tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội;
- Tổng số phiếu biểu quyết không tán thành là 0 phiếu, chiếm 0 % tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội;
- Tổng số phiếu biểu quyết không có ý kiến là 0 phiếu, chiếm 0 % tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

10. Tờ trình số 128/2022/TTr-HĐQT ngày 25/3/2022 của Hội đồng quản trị Công ty về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà

Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty Cổ

phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà như Phụ lục đính kèm Tờ trình số 128/2022/TTr-HĐQT ngày 25/3/2022 của HĐQT Công ty

Đại hội đồng Cổ đông đã biểu quyết với kết quả như sau:

- Tổng số phiếu biểu quyết tán thành là: **73.868.564** phiếu, chiếm 100 % tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội;
- Tổng số phiếu biểu quyết không tán thành là 0 phiếu, chiếm 0 % tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội;
- Tổng số phiếu biểu quyết không có ý kiến là 0 phiếu, chiếm 0 % tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

11. Tờ trình số 130/2022/TTr-BKS ngày 25/3/2022 của Hội đồng quản trị Công ty về việc miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2021 -2026.

Đại hội đồng Cổ đông thông qua việc miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát Công ty đối với ông Nguyễn Việt Hà kể từ ngày 19/4/2022.

Đại hội đồng Cổ đông đã biểu quyết với kết quả như sau:

- Tổng số phiếu biểu quyết tán thành là: **73.868.564** phiếu, chiếm 100 % tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội;
- Tổng số phiếu biểu quyết không tán thành là 0 phiếu, chiếm 0 % tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội;
- Tổng số phiếu biểu quyết không có ý kiến là 0 phiếu, chiếm 0 % tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

12. Bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021 -2026

Đại hội đồng Cổ đông bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2021-2026 bằng hình thức bầu dồn phiếu. Nhiệm kỳ thành viên Ban kiểm soát được bầu bổ sung là kể từ ngày được bầu cho đến khi nhiệm kỳ 2021 -2026 của Ban kiểm soát Công ty kết thúc. Kết quả bầu cử như sau:

STT	Họ và tên ứng viên	Số phiếu bầu
1.	Nguyễn Việt Trung	73.868.564

Như vậy, với kết quả bầu như nêu trên, ông Nguyễn Việt Trung đã trúng cử vào thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021 – 2026 của Công ty.

Nhiệm kỳ thành viên Ban kiểm soát của ông Nguyễn Việt Trung là kể từ ngày 19/4/2022 đến khi nhiệm kỳ 2021-2026 của Ban kiểm soát Công ty kết thúc.

V. Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội

1. Bà Đinh Thị Thùy Dương – thay mặt Đoàn Thư ký trình bày trước Đại hội nội dung Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội.
2. Đại hội tiến hành biểu quyết thông qua nội dung của Biên bản Đại hội bằng hình thức biểu quyết theo phiếu biểu quyết.

Đại hội đồng Cổ đông đã biểu quyết thông qua với kết quả như sau:

- Tổng số phiếu biểu quyết tán thành là: **73.868.564** phiếu, chiếm 100 % tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội;
- Tổng số phiếu biểu quyết không tán thành là 0 phiếu, chiếm 0 % tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội;

- Tổng số phiếu biểu quyết không có ý kiến là 0 phiếu, chiếm 0 % tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

3. Đại hội tiến hành biểu quyết thông qua nội dung của Nghị quyết Đại hội bằng hình thức biểu quyết theo phiếu biểu quyết.

Đại hội đồng Cổ đông đã biểu quyết thông qua với kết quả như sau:

- Tổng số phiếu biểu quyết tán thành là: **73.868.564** phiếu, chiếm 100 % tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội;

- Tổng số phiếu biểu quyết không tán thành là 0 phiếu, chiếm 0 % tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội;

- Tổng số phiếu biểu quyết không có ý kiến là 0 phiếu, chiếm 0 % tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

VI. PHẦN THỨ NĂM – CÁC THỦ TỤC KẾT THÚC ĐẠI HỘI:

- Ông **Nguyễn Hoàng Long** phát biểu tuyên bố bế mạc Đại hội vào hồi 11h00 ngày 19/4/2022.

Nơi gửi:

- Các Cổ đông Công ty;
- Các TVHQQT, Ban KS, Ban GD;
- Website Công ty;
- Lưu TCHC.



Nguyễn Hoàng Long

THƯ KÝ ĐẠI HỘI

Đinh Thị Thùy Dương

Trần Minh Nghĩa

Số: 01 /2022/NQ - ĐHĐCĐ

Hòa Bình, ngày 19 tháng 04 năm 2022

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NƯỚC SẠCH SÔNG ĐÀ

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 và có hiệu lực kể từ ngày 01/1/2021 và các Luật có liên quan;

Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019 và có hiệu lực từ ngày 01/1/2021;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà (“**Công ty**”) được ĐHĐCĐ thông qua ngày 27/4/2021;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 01/2022/BB – ĐHĐCĐTN ngày 19/04/2022,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua các nội dung sau:

1. Thông qua nội dung toàn văn Báo cáo số 118/2022/BC-VIWASUPCO ngày 25/03/2022 của Hội đồng quản trị Công ty về kết quả hoạt động SXKD năm 2021 và kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 với các chỉ tiêu chính như sau:

TT	Khoản mục chỉ tiêu chính	ĐVT	Thực hiện 2021	Kế hoạch 2022
1	Sản lượng(m3)	m3	101.862.498	104.351.517
2	Doanh thu từ hoạt động SXKD	Tỷ đồng	524,97	537,89
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	198,675	175,035

Đại hội đồng Cổ đông giao và ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty căn cứ vào diễn biến tình hình và mức độ ảnh hưởng của Dịch bệnh Covid 19 xem xét, quyết định điều chỉnh các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chính của Công ty năm 2022 cho phù hợp.

2. Thông qua toàn văn Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam như đính kèm.
3. Thông qua toàn văn Báo cáo số 124/2022/BC-HĐQT ngày 25/03/2022 của Hội đồng quản trị Công ty về hoạt động Hội đồng quản trị năm 2021 và phương hướng nhiệm vụ của Hội đồng quản trị năm 2022;

4. Thông qua toàn văn Báo cáo ngày 25/03/2022 của Ban kiểm soát Công ty về hoạt động Ban kiểm soát năm 2021;
5. Thông qua danh sách các đơn vị kiểm toán độc lập có đủ năng lực và điều kiện để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty:
 - i. Công ty TNHH KPMG Việt Nam;
 - ii. Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam;
 - iii. Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.

Đại hội đồng Cổ đông giao/ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty quyết định lựa chọn một trong các công ty kiểm toán trong danh sách nêu trên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty.

6. Thông qua việc chi trả thù lao HĐQT, Ban kiểm soát Công ty năm 2021 và phương án chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty năm 2022, cụ thể như sau:

- Năm 2021: Thù lao HĐQT và BKS đã chi trả là: **2.395.000.000** đồng.

Trong đó:

HĐQT là: 1.995.000.000 đồng/năm

BKS là: 400.000.000 đồng/năm

- Năm 2022: Kế hoạch trả thù lao HĐQT, BKS: 2.640.000.000 đồng,

Trong đó:

Thù lao HĐQT là: 2.040.000.000 đồng

Chủ tịch HĐQT là: 50.000.000 đ/tháng.

Thành viên HĐQT (04 người): 30.000.000 đ/người/tháng.

Thù lao BKS: 600.000.000 đồng

Trưởng BKS: 30.000.000 đ/tháng

Thành viên BKS (02 người): 10.000.000 đ/người/tháng

7. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 và kế hoạch chi trả cổ tức năm 2022:

TT	Nội dung	Tỷ lệ	Giá trị
1	Lợi nhuận trước thuế		209.357.087.609
2	Thuế TNDN		10.682.236.807
3	Lợi nhuận sau thuế (3) = (1) - (2)		198.674.850.802
4	Lợi nhuận chưa phân phối của năm trước		412.833.262.535
5	Lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 31/12/2021 là: (5) = (3) + (4)		611.508.113.337
6	Cổ tức năm 2021 bằng tiền	20%	150.000.000.000
7	Lợi nhuận chưa phân phối chuyển năm sau (7) = (5) - (6)		461.508.113.337
8	Kế hoạch trả cổ tức năm 2022	15%	



Đại hội đồng Cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị căn cứ vào tình hình thực tế năm 2022 và quy định của pháp luật để quyết định việc chi trả cổ tức năm 2021 và tạm ứng cổ tức năm 2022 cho phù hợp.

8. Thông qua (1) toàn văn Báo cáo số 125/2022/BC-HĐQT, ngày 25/3/2022 của Hội đồng quản trị Công ty về việc thực hiện các nội dung ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông cho Hội đồng quản trị; (2) tiếp tục ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty thực hiện các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Đại hội đồng cổ đông được pháp luật/Điều lệ Công ty quy định liên quan đến việc triển khai, thực hiện Dự án giai đoạn II phù hợp với quy định của Pháp luật hiện hành. Hội đồng quản trị Công ty có trách nhiệm báo cáo Đại hội đồng Cổ đông tại kỳ họp Đại hội đồng Cổ đông gần nhất về việc thực hiện các nội dung ủy quyền trên.
9. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty như Phụ lục 1 đính kèm Nghị quyết này.
10. Thông qua toàn văn Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty như đính kèm Nghị quyết này.
11. Thông qua việc miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát Công ty đối với Ông Nguyễn Việt Hà kể từ ngày 19/4/2022;
12. Bầu Ông Nguyễn Việt Trung làm thành viên Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2021 – 2026. Nhiệm kỳ thành viên Ban kiểm soát của ông Nguyễn Việt Trung là kể từ ngày 19/4/2022 đến khi nhiệm kỳ 2021-2026 của Ban kiểm soát Công ty kết thúc.



Điều 2. Điều khoản thi hành:

1. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 19 tháng 4 năm 2022.
2. Các ông/bà Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, các cá nhân, bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Như Điều 2 (T/hiện);
- UB Chứng khoán NN (để CBTT)
- SGĐCK (để CBTT);
- Website Công ty (để CBTT);
- Lưu VP.

**T.M ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**



Nguyễn Hoàng Long

BÁO CÁO
KẾT QUẢ THỰC HIỆN SXKD NĂM 2021 & KẾ HOẠCH SXKD NĂM
2022 CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NƯỚC
SẠCH SÔNG ĐÀ

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NƯỚC SẠCH SÔNG ĐÀ

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà (“Công ty”/“Viwasupco”) báo cáo kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2021 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 của Công ty, cụ thể như sau:

Trong năm 2021, Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà có hai mảng hoạt động chính là: Vận hành sản xuất, kinh doanh bán buôn nước sạch Nhà máy Nước sạch Sông Đà với công suất 300.000m³/ngđ và triển khai đầu tư Giai đoạn 2 Dự án Hệ thống cấp nước chuỗi đô thị “Sơn Tây - Hòa Lạc - Xuân Mai - Miếu Môn - Hà Nội - Hà Đông” nâng công suất lên 600.000m³/ngđ.

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

1. Đánh giá những thuận lợi và khó khăn.

1.1. Thuận lợi:

- Vùng dịch vụ cấp nước của Công ty chủ yếu là khu vực phía Tây Nam Thành phố và dọc đường Đại lộ Thăng Long là khu vực đang có tốc độ đô thị hóa cao, nhu cầu dùng nước của người dân lớn và tăng trưởng nhanh;
- Các khách hàng mua buôn nước sạch của Công ty đều là những đơn vị lớn, có vùng dịch vụ cấp nước rộng, đã có thời gian hợp tác lâu dài và ổn định với Công ty.

1.2. Khó khăn:

- Công ty chịu tác động trực tiếp và gián tiếp do ảnh hưởng chung của đại dịch Covid-19 nên một số hạng mục nâng cấp, đầu tư mới của đơn vị bị chậm tiến độ. Sản lượng nước sạch tiêu thụ trong năm 2021 giảm nhiều do nhu cầu sử dụng của một số khách hàng giảm mạnh như: dịch vụ ăn uống, khách sạn đóng cửa, nhà xưởng bị dừng sản xuất, học sinh, sinh viên nghỉ học;
- Trong năm 2021, tình hình biến đổi khí hậu dẫn đến dòng chảy trên lưu vực Sông Đà và mực nước Hồ thủy điện Hòa Bình xuống thấp, có một số thời điểm cực đoan làm cho mực nước đầu kênh lấy nước không đạt cao độ thiết kế để cấp đủ lượng nước cho Nhà máy sản xuất đạt theo công suất thiết kế của Dự án Nước sạch Sông Đà Giai đoạn I;
- Năng lực tiếp nhận tại các điểm đầu nối của các khách hàng mua buôn nước sạch với tuyến ống truyền tải chính của Công ty đoạn từ Nhà máy đến đường Vành Đai 3 đã tiệm cận khả năng truyền tải của hệ thống trong khi việc đầu tư phát triển mạng lưới cấp 2 của Công ty trong thời gian vừa qua gặp nhiều khó khăn trong việc triển khai xúc tiến các thủ tục pháp lý đầu tư của Dự án.



2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chính năm 2021:

Với những thuận lợi, khó khăn như đã nêu trên, bằng sự đoàn kết, tập trung phần đầu cao của toàn bộ các cán bộ công nhân viên trong Công ty, năm 2021 vừa qua, Công ty đã thực hiện sản xuất nước an toàn, hiệu quả và bám sát kế hoạch năm 2021 đã được Đại hội Cổ đông phê duyệt duyệt.

2.1. Các chỉ tiêu chủ yếu.

STT	Khoản mục	Đ.vị	Kế hoạch Năm 2021	Thực hiện Năm 2021	Tỷ lệ % TH/KHN
(a)	(b)	(c)	(1)	(2)	(3)=(2)/(1)
1	Tổng sản lượng nước	m ³	106.273.516	101.862.498	95,85%
2	Doanh thu HDSX kinh doanh	Tỷ đ	547,30	524,97	95,92%
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đ	164,20	198,675	120,99%

(Số liệu trong bảng trên được lấy theo báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán).

2.2. Đánh giá chung kết quả đạt được:

Nhìn chung, Tổng sản lượng nước và doanh thu HDSXKD chưa đạt kế hoạch đề ra, tuy nhiên trong năm do Công ty làm tốt công tác quản lý chi phí và thực hành tiết kiệm triệt để trong hoạt động sản xuất nên lợi nhuận sau thuế đã vượt so với kế hoạch năm 2021 đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt:

- Sản lượng nước đạt 95,85% so với kế hoạch năm;
- Doanh thu kinh doanh đạt 95,92% so với kế hoạch năm;
- Lợi nhuận sau thuế đạt 120,99% so với kế hoạch năm.

3. Công tác điều hành trong năm 2021.

3.1. Công tác Tổ chức hành chính và chăm lo đời sống cho người lao động.

- Làm tốt công tác tổ chức, sắp xếp, điều động nội bộ, giới thiệu bổ nhiệm, miễn nhiệm và công tác tuyển dụng nhân sự mới để bổ sung cho các Ban nghiệp vụ, Nhà máy, Ban QLDA còn thiếu nhằm đáp ứng kịp thời yêu cầu công việc được giao. Tiếp tục thực hiện công tác tinh giản bộ máy quản lý và sản xuất trực tiếp theo hướng gọn nhẹ, nâng cao hiệu quả trong sản xuất kinh doanh, cụ thể:
 - + Nhà máy nước Sông Đà: Đơn vị sắp xếp lại các phòng điều hành hợp lý hơn, chức năng nhiệm vụ đầy đủ hơn và phù hợp với tình hình sản xuất;
 - + Ban Quản lý dự án: Đã sáp nhập các phòng chức năng, gọn hơn và linh hoạt hơn ;
 - + Công tác định biên nhân sự: Thường xuyên rà soát từng vị trí, có những điều chỉnh hoặc tuyển dụng bổ sung kịp thời cho những vị trí thiếu trên nguyên tắc đúng người, đúng việc, hiệu quả, đúng định biên đã được HĐQT phê duyệt.
- Số lượng cán bộ, nhân viên : Tính đến 31/12/2021 công ty có 127 cán bộ CNV ; Năm 2021 Công ty tổ chức 03 khóa đào tạo với Tổng số lượng CBNV tham gia là 168 người, số giờ đào tạo bình quân cho mỗi nhân viên tham gia đào tạo là 25

giờ/người.

- Đảm bảo việc chi trả lương cho người lao động đúng thời gian và theo đúng Nghị quyết, quyết định, quy chế phân phối tiền lương của Công ty và Quỹ lương được thực hiện theo đúng kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được phê duyệt. Giải quyết đầy đủ các chế độ chính sách cho người lao động trong Công ty;
- Phối hợp với tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên thực hiện tốt công tác chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho CBCNV cụ thể như: Tổ chức cho CBCNV trực Tết cũng như các ngày Lễ lớn của dân tộc trong không khí đầm ấm, tiết kiệm và hiệu quả. Hỗ trợ kịp thời các chế độ cho các cán bộ công nhân viên của Nhà máy trực tiếp sản xuất thực hiện “3 tại chỗ” trên Nhà máy để sản xuất trong thời gian cao điểm của dịch bệnh Covid 19 vừa qua.

3.2. Công tác Sản xuất của Công ty.

Trong năm qua, công tác truyền tải, sản xuất, phân phối nước tại các Trạm bơm, tuyến ống đều không vượt kế hoạch năm 2021 do nhu cầu mực nước đầu nguồn thấp và nhu cầu sử dụng nước thấp. Công ty vẫn duy trì được tỷ lệ thất thoát nước sạch rất thấp (dưới 1%) và công tác an ninh, an toàn trong sản xuất, truyền tải nước sạch được đảm bảo, cụ thể:

STT	Nội dung công việc	Đ.vị	Năm 2021		Tỷ lệ % THN/KHN
			Kế hoạch	Thực hiện	
(a)	(b)	(c)	(1)	(2)	(3)=(2)/(1)
1	Tại trạm bơm nước sông: Sản lượng nước thô bơm từ sông lên Hồ Đầm Bài	m ³	109.201.426	96.379.130	88,26%
		m ³ /ng.đ	299.182	264.052	
2	Tại trạm bơm nước hồ: Sản lượng nước thô từ Hồ Đầm Bài lên khu xử lý	m ³	108.804.638	102.899.748	94,57%
		m ³ /ng.đ	298.095	281.917	
3	Tại khu xử lý: Sản lượng nước sạch sau xử lý	m ³	107.567.939	102.128.158	94,94%
		m ³ /ng.đ	294.707	279.803	
4	Sản lượng nước sạch bán qua đồng hồ	m ³	106.273.516	101.862.498	95,85%
		m ³ /ng.đ	291.160	279.075	

Để có được kết quả sản xuất như trên cũng như đảm bảo cho công tác an ninh, an toàn trong sản xuất và truyền tải nước sạch, trong năm qua Công ty đã và đang triển khai quyết liệt, đồng bộ có hiệu quả các giải pháp chính như sau:

- Tiếp tục thực hiện các giải pháp tăng cường công tác đảm bảo an ninh nguồn nước của Nhà máy Sông Đà như: Duy trì đảm bảo Camera giám sát An ninh giám sát toàn bộ các khâu thiết yếu của Nhà máy, bổ sung nâng cấp các Camera tại Bể chứa trung gian và Khu xử lý bùn; Đảm bảo hoạt động của Hệ thống quan trắc tự động

nước thô đầu vào, nước thải và nước sạch sau xử lý kết nối với sở Sở Tài nguyên Môi trường Hòa Bình & sở TNMT thành phố Hà Nội theo quy định, có trích xuất dữ liệu nước sạch sau xử lý cho các khách hàng cùng theo dõi, giám sát chất lượng nước; Hoàn thành gần như toàn bộ hàng rào bảo vệ kênh dẫn Trạm bơm nước Sông; tăng cường công tác bảo vệ kiểm tra kịp thời phát hiện, ngăn chặn các hoạt động xây dựng, các nguồn xả thải có nguy cơ ảnh hưởng tới an ninh nguồn nước;

- Công tác tuần tra, kiểm tra giám sát đảm bảo an ninh trật tự, an ninh nguồn nước được duy trì 24/24, mọi tình huống luôn được kiểm soát giám sát từ xa, nên không bị động; Trong năm 2021 không xảy ra bất kỳ sự cố, mối nguy nào gây ảnh hưởng đến chất lượng nước của Nhà máy, Công tác tầm soát, kiểm tra chất lượng nước các công đoạn sản xuất được duy trì đảm bảo theo quy định, chất lượng nước sản xuất ra đạt Quy chuẩn QCVN 01-1:2018/BYT;
- Công tác bảo trì, bảo dưỡng sửa chữa, kiểm tra vận hành máy móc thiết bị các bộ phận, trạm đội sản xuất được điều phối vận hành nhịp nhàng đảm bảo an toàn sản xuất, không xảy ra sự cố thiết bị do lỗi người vận hành. Đặc biệt trong năm 2021 không xảy ra sự cố vỡ tuyến ống truyền tải như các năm trước đây, không có sự cố lớn đối với các thiết bị chính như bơm, biến tần, hệ thống điện;
- Tại các thời điểm cực đoan trong năm 2021, mực nước trên Sông Đà tại vị trí đầu kênh dẫn nước sông xuống dưới mực nước thiết kế, Nhà máy đã chủ động điều chỉnh chế độ vận hành của các Trạm bơm nguồn, bố trí cán bộ túc trực 24/24 và phối hợp chặt chẽ, điều tiết cùng các cơ quan Tập đoàn điện lực Việt Nam, Trung tâm điều độ hệ thống điện Quốc Gia, Công ty thủy điện Hòa Bình và đồng thời chạy cả bơm dự phòng đề có thể đáp ứng tối đa nguồn nước cho sản xuất của khu xử lý;
- Làm việc với EVN về các giải pháp cấp điện an toàn cho Nhà máy nước ở giai đoạn hiện nay và tương lai khi đầu tư nâng công suất. Trong năm 2021 Công ty Điện lực Hòa Bình đã tiến hành cải tạo đường dây, lắp thêm máy cắt điều khiển từ xa, đưa phương thức chuyển nguồn không mất điện vào vận hành từ đó đã giảm thiểu thời gian cắt điện và sự cố;
- Phối hợp với Công ty thủy lợi về vận hành hồ Đầm Bài theo đúng quy chế phối hợp đã được ký kết lập và thực hiện các giải pháp để tối ưu lượng nước cấp phục vụ tưới tiêu;
- Công tác ký kết, thực hiện Hợp đồng mua sắm: Công ty đã ký kết, thực hiện Hợp đồng mua sắm kịp thời phục vụ công tác sản xuất của Nhà máy đảm bảo, tuân thủ đúng Quy chế phân cấp của Công ty cũng như pháp luật và phù hợp với kế hoạch năm 2021 đã được phê duyệt.

3.3. Công tác phát triển thị trường.

3.3.1. Công tác kinh doanh và chăm sóc khách hàng:

Với sự chỉ đạo sát sao của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc, hoạt động kinh doanh của Công ty đã đạt được một số kết quả trong năm 2021 như sau:

Stt	Nội dung	Sản lượng tiêu thụ (m ³)	Bình quân ngày đêm (m ³ /ngđ)
1	Kế hoạch năm 2021	106.273.516	291.160
2	Kết quả thực hiện năm 2021	101.862.498	279.075
3	Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch %	95,58%	95,58%

- Tổng sản lượng tiêu thụ nước sạch năm 2021 đạt trên 101 triệu mét khối, tương đương khoảng 279.000 m³/ngày đêm, giảm 0,72 % so với sản lượng năm 2020 và bằng 95,58% so với kế hoạch 2021 được giao. Sản lượng tiêu thụ năm 2021 giảm hơn so với năm 2020 và không đạt kế hoạch năm 2021 nguyên nhân chính là do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid 19 diễn biến trong năm 2021 phức tạp lan rộng, thời gian giãn các xã hội của nhiều vùng trong khu vực Hà Nội và toàn thành phố Hà Nội dài hơn năm 2020 làm nhu cầu sử dụng nước sạch của khách hàng tiêu thụ giảm mạnh. Ngoài ra còn do mực nước sông Đà nhiều thời điểm xuống thấp bất thường không đảm bảo sản xuất như công suất thiết kế, có những thời điểm trong năm không đáp ứng được nhu cầu tối thiểu của khách hàng;
- Công ty đã phối hợp hiệu quả với các khách hàng: Công ty Cổ phần VIWACO, Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Đông, Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Nội, Công ty Cổ phần Nước sạch Tây Hà Nội, Công ty TNHH Đồng Tiến Thành Thủ đô, Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ địa chất, Công ty Cổ phần Sản xuất & Thương mại Ngọc Hải nhằm cung cấp nước sạch ổn định, an toàn để khách hàng sử dụng tối đa nguồn nước sạch Sông Đà cung cấp;
- Thường xuyên liên hệ nắm bắt tình hình hoạt động của khách hàng, khảo sát và đánh giá nhu cầu sử dụng nước của khách hàng cũng như đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao sản lượng tiêu thụ nước sạch của khách hàng;
- Thông báo kịp thời tới khách hàng các thông tin cam kết như kế hoạch vận hành cấp nước, dừng cấp nước, chất lượng nước;
- Thông tin và phản hồi kịp thời các vấn đề của khách hàng trong quá trình cung cấp dịch vụ cấp nước cũng như phối hợp chặt chẽ xử lý khi có sự cố xảy ra.

3.3.2. Công tác nghiên cứu và phát triển thị trường:

- Trong năm 2021 Công ty đã phối hợp và hợp tác chặt chẽ với các đối tác phân phối, nâng cao chất lượng dịch vụ và khả năng tiếp cận khách hàng của Công ty nhằm duy trì đầu nối cũng như phát triển năng lực mạng lưới cấp nước, tiến sâu vào các thị trường tiềm năng còn dư địa phát triển;
- Nghiên cứu hệ thống cấp nước của các huyện ngoại thành khu vực phía Nam Thành phố Hà Nội nhằm đánh giá các cơ hội hợp tác đầu tư phát triển thị trường cấp nước của Công ty cho khu vực này;
- Công ty đã ký hợp đồng với Công ty TNHH Môi trường đô thị Xuân Mai vận hành tuyến ống DN600 chạy dọc quốc lộ 21A cấp nước cho toàn bộ thị xã Xuân Mai và các vùng lân cận từ ngày 29/7/2021;
- Công ty đã phối hợp triển khai và ký hợp đồng với Công ty Cổ phần Nước sạch Hòa Bình cấp cho khu công nghiệp Yên Quang từ ngày 06/01/2022;
- Nghiên cứu đề xuất đầu tư mạng lưới đường ống truyền tải cấp 2 với mục tiêu chính là chủ động xác lập vùng cấp nước bằng hệ thống đường ống đến khách hàng, đồng thời đảm bảo cấp nước an toàn cho người dân, khách hàng;
- Thực hiện nghiên cứu đầu tư và đầu tư phát triển mạng lưới tuyến ống truyền tải cấp II theo kế hoạch đầu tư đã được Đại hội Cổ đông thường niên năm 2020 Công ty thông qua, cụ thể:
 - + Công ty đã cùng Tư vấn nghiên cứu và ngày 4/12/2020 đã đề xuất lại UBND Thành phố Hà Nội chấp thuận Chủ trương đầu tư Dự án phát triển mạng truyền tải cấp II hệ thống cấp nước Sông Đà (2 km Tuyến ống đường kính

DN1000 & 8,4 km tuyến ống đường kính DN800 trên đường Vành Đai 3,5 đoạn từ trước cửa Đại học Thành Đô trên Quốc Lộ 32 đến nút giao đường Quang Trung với Lê Trọng Tấn Hà Đông) với tổng mức đầu tư ước tính khoảng **483.727.924.000 đồng**. Dự án này đã được UBND Thành phố Hà Nội chấp thuận tại Văn bản số 418/UBND-ĐT ngày 8/2/2021.

- + Công ty đã cùng Tư vấn nghiên cứu và ngày 18/8/2021 đã đề xuất lại UBND Thành phố Hà Nội chấp thuận Chủ trương đầu tư Dự án phát triển mạng truyền tải cấp II tuyến số 1 - hệ thống cấp nước Sông Đà (Chạy theo đường Lương Thế Vinh- Nguyễn Trãi – Nguyễn Xiển – NMN Hạ Đình với đường kính DN800, chiều dài 3.600m) điểm đầu tại nút giao cầu vượt Mễ Trì trên Đại lộ Thăng Long và điểm cuối tại điểm chờ DN800 kết nối với đường hiện hữu DN600 của Nhà máy nước Hạ Đình trên ngõ 129 đường Nguyễn Xiển, với tổng mức đầu tư khoảng **95.068.000.000 đồng**. Dự án này đã được UBND Thành phố Hà Nội chấp thuận tại Văn bản số 3714/UBND-ĐT ngày 26/10/2021.

3.4. Công tác triển khai đầu tư Dự án hệ thống cấp nước Chuỗi đô thị Sơn Tây- Hòa Lạc-Xuân Mai- Miếu Môn- Hà Nội- Hà Đông giai đoạn 2 nâng công suất lên 600.000 m³/ngày (Dự án Nước sạch Sông Đà Giai đoạn 2).

3.4.1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu theo kế hoạch đầu tư năm 2021 được phê duyệt:

Đơn vị: Tỷ đồng

TT	Danh mục	KH 2021	Thực hiện năm 2021	
			Giá trị	Tỷ lệ %
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
A	Chi phí thực hiện công việc (1+2+3+4+5)	1.678,08	709,29	42,3%
1	Chi phí lập dự án đầu tư	3,92	1,36	34,7%
2	Trạm điều tiết Tây Mỗ và Tuyến ống TTNS 6,4 km	47,94	24,97	52,1%
3	Tuyến ống Truyền tải nước sạch từ Khu xử lý đến Trạm điều tiết Tây Mỗ	1.193,18	652,82	54,7%
4	Cụm công trình đầu mối và khu xử lý	423,04	30,13	7,1%
5	Kiểm toán công trình	-	-	-
6	Dự phòng phí	10,00	-	0,0%
B	Chi phí Ban quản lý dự án	9,91	8,16	82,4%
	Tổng vốn đầu tư năm 2021 (A+B)	1.687,99	717,45	42,5%

- Giá trị giải ngân đầu tư 709,29 tỷ đồng/ 1.678,08 tỷ đồng, đạt 42,3% kế hoạch được giao.
- Chi phí Ban QLDA 8,16 tỷ đồng/ 9,91 tỷ đồng, đạt 82,4% kế hoạch được giao.

Đánh giá chung: Công tác giải ngân của Ban QLDA trong năm 2021 không đạt kế hoạch HĐQT Công ty giao với nguyên nhân chính sau:

- Trong năm 2021, do chưa có Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư điều chỉnh dẫn đến chưa hoàn thành được Báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh cũng như công tác thẩm định và phê duyệt FS. Do đó, chưa thể triển khai thực hiện một số hạng mục theo kế hoạch như: Trạm bơm dâng đầu kênh, Cải tạo hệ thống Scada, Cải tạo mái kênh dẫn nước sông, Khu xử lý bùn.

- Công tác giải ngân quyết toán Hợp đồng EPC-01: Chưa hoàn thành 100% do Tổng thầu EPC chưa khắc phục triệt để các tồn tại trên công trường.
- Công tác giải ngân thực hiện hợp đồng EPC-02: Do tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp ảnh hưởng đến công tác nhập khẩu nguyên vật liệu, huy động nguồn lực của các Nhà thầu cung cấp và thi công xây dựng công trình. Tiến độ thực hiện hạng mục công trình đang chậm so với tiến độ cam kết trong Hợp đồng.

Giải pháp khắc phục:

- Bám sát các Cơ quan nhà nước tỉnh Hòa Bình để đẩy nhanh tiến độ điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư. Rà soát, hoàn thiện Báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh trình nộp Cục Hạ tầng Bộ xây dựng để thẩm định trước, ngay sau khi có Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh sẽ hoàn thành công tác thẩm định, trình phê duyệt.
- Hiện công tác khảo sát, thiết kế bản vẽ thi công các hạng mục còn lại đang được Nhà thầu tư vấn hoàn thiện, dự kiến hoàn thành trong Quý I năm 2022. Ngay sau khi Báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh dự án được phê duyệt, sẽ trình thẩm định, phê duyệt và đẩy nhanh công tác lựa chọn nhà thầu triển khai thi công các hạng mục công trình.
- Công tác giải ngân quyết toán Hợp đồng EPC-01: Trên cơ sở văn bản đồng ý của Tổng thầu, đẩy nhanh công tác lựa chọn đơn vị thực hiện và triển khai khắc phục triệt để các tồn tại trên công trường, hoàn thiện các hồ sơ chất lượng còn thiếu (theo yêu cầu của Nhà máy) để đủ điều kiện giải ngân giá trị quyết toán còn lại ngay trong Quý I năm 2022.
- Công tác giải ngân thực hiện hợp đồng EPC-02: Đôn đốc các Nhà thầu khắc phục khó khăn do dịch Covid-19, bổ sung nguồn lực để bù đắp tiến độ bị chậm, phấn đấu hoàn thành hạng mục công trình trong Quý IV năm 2022 theo kế hoạch điều chỉnh được HĐQT phê duyệt.

3.4.2. Kết quả triển khai thực hiện các công tác đầu tư chính:

3.4.2.1. Dự án đầu tư hệ thống cấp nước sông Đà giai đoạn II:

a. Thủ tục pháp lý:

Trong năm 2021, Chính phủ có văn bản số 1568/TTg-CN ngày 16/11/2021 về việc chấp thuận không sử dụng hồ Đàm Bài làm hồ sơ lắng và nghiên cứu bổ sung các hạng mục công trình đảm bảo an ninh, an toàn cấp nước. Trong năm, Công ty đã tích cực làm việc với các cơ quan hữu quan để được cấp Quyết định đầu tư điều chỉnh Dự án. (Ngày 20/1/2022, UBND tỉnh Hòa Bình đã ban hành Quyết định số 07/2022/UBND về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư và chấp thuận nhà đầu tư).

Tuy nhiên, Công tác thẩm định Dự án của Bộ Xây dựng vẫn chưa hoàn thành, nên Công ty chưa trình HĐQT phê duyệt được Dự án đầu tư điều chỉnh (FS điều chỉnh).

b. Công tác đấu thầu:

Trong năm 2021, đã hoàn thành công tác lựa chọn nhà thầu 10 gói thầu, cụ thể:

- Tuyển ông truyền tải nước sạch 40km từ Khu xử lý đến Trạm điều tiết Tây Mỗ: 04 gói thầu gồm: Thiết kế bản vẽ thi công, cung cấp, xây dựng và lắp đặt (EPC-02);

Tư vấn giám sát (TV32); Bảo hiểm mọi rủi ro xây dựng và lắp đặt (BH10); Thí nghiệm chỉ tiêu nền đất yếu (EPC02.TV01).

- Cải tạo trạm bơm sông, trạm bơm hồ: 03 gói thầu gồm: Thiết kế bản vẽ thi công, cung cấp, xây dựng và lắp đặt (GĐ1.CT01); Tư vấn thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công (GĐ1.CT02); Tư vấn giám sát (GĐ1.CT03).
- Tư vấn thiết kế các hạng mục còn lại: 03 gói thầu gồm: Lập đề cương nhiệm vụ khảo sát và thiết kế (TV37); Khảo sát, thiết kế bản vẽ thi công hạng mục tuyến ống nước thô ven hồ Đàm Bài (TV38); Khảo sát, thiết kế bản vẽ thi công Khu xử lý và các công trình nguồn (TV39).

3.4.2.2. Dự án đầu tư phát triển mạng lưới truyền tải cấp 2 hệ thống cấp nước sông Đà (Dự án tuyến ống cấp 2 đường Vành đai 3.5):

- Về công tác tổ chức thực hiện: Trong năm 2021, đã hoàn thành công tác lựa chọn nhà thầu 02 gói thầu chuẩn bị dự án: 1) Khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án phát triển mạng lưới truyền tải cấp 2 hệ thống cấp nước sông Đà và 2) Thẩm tra báo cáo nghiên cứu khả thi dự án phát triển mạng lưới truyền tải cấp 2 hệ thống cấp nước sông Đà.
- Hoàn thành Công tác lập và thẩm tra báo cáo nghiên cứu khả thi dự án theo phương án sử dụng ống gang.
- Đến thời điểm hiện tại, Công ty đang trình UBND thành phố Hà Nội điều chỉnh Chủ trương đầu tư để phù hợp với điều kiện thực tế và Quy hoạch cấp nước đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

3.4.2.3. Dự án đầu tư phát triển mạng lưới truyền tải cấp 2 số 1 - Hệ thống cấp nước sông Đà (Dự án tuyến ống cấp 2 đường Lương Thế Vinh):

Trong năm 2021, đã tổ chức lựa chọn đơn vị tư vấn và hoàn thành công tác lập và trình duyệt Chủ trương đầu tư dự án. Dự kiến triển khai các công tác chuẩn bị đầu tư ngay trong Quý I năm 2022.

II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022

Với những thuận lợi và khó khăn chung của các đơn vị sản xuất, kinh doanh nước sạch trên địa bàn Thành phố, đặc biệt là tình hình dịch bệnh Covid 19 vẫn còn đang diễn biến phức tạp trong thời gian tới, trên cơ sở thực tế triển khai đầu tư Dự án Nước sạch Sông Đà Giai đoạn 2, hệ thống tuyến ống truyền tải Cấp II, cùng với việc thực hiện quyết liệt các biện pháp đã triển khai có hiệu quả trong năm 2021 nhằm tăng cường hơn nữa công tác quản lý, nâng cao hiệu quả sản xuất, giảm chi phí, tăng lợi nhuận và doanh thu cho Công ty. Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2022 của Công ty như sau:

1. Các chỉ tiêu chính về sản xuất kinh doanh.

STT	Khoản mục	Đ.vị	Thực hiện Năm 2021	Kế hoạch Năm 2022	Tỷ lệ % KH22/TH21
(a)	(b)	(c)	(1)	(2)	(3)=(2)/(1)
1	Tổng sản lượng nước	m ³	101.862.498	104.351.517	102,44%
2	Doanh thu HĐSX kinh doanh	tỷ đ	524,97	537,89	102,46%

3	Lợi nhuận sau thuế	tỷ đ	198,67	175,035	88,1%
---	--------------------	------	--------	---------	-------

2. Các chỉ tiêu chính về đầu tư.

2.1. Kế hoạch thực hiện đầu tư xây dựng dự án giai đoạn 2:

- Hoàn tất công tác được cấp giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh và phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án
- Hoàn thành công tác lập, thẩm định và trình HĐQT Công ty phê duyệt trong Quý I/2022.

2.2. Công tác thiết kế bản vẽ thi công các hạng mục còn lại của dự án:

- Hoàn thành toàn bộ công tác khảo sát, thiết kế bản vẽ thi công, trình Bộ Xây dựng thẩm định ngay sau khi có Quyết định chủ trương đầu tư điều chỉnh và Báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh được phê duyệt. Trình HĐQT phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu các hạng mục còn lại trong Quý II năm 2022.

2.3. Hạng mục Tuyến ống truyền tải nước sạch đoạn từ Khu xử lý đến Trạm điều tiết Tây Mỗ (Km7+800):

- + Hoàn thành công tác thỏa thuận thiết kế bản vẽ thi công tuyến ống qua Xanh villas, phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công toàn bộ tuyến ống trong Quý I/2022.
- + Trình HĐQT Công ty phê duyệt bổ sung các điểm lấy nước trên tuyến, tổ chức thực hiện thi công song song với việc thi công tuyến ống chính.
- + Tổ chức triển khai và hoàn thành công tác cung cấp, thi công xây dựng và lắp đặt toàn bộ tuyến ống trong Quý IV năm 2022 (trong đó, hoàn thành trước khoảng 20km qua khu vực xung yếu trong quý II/2022).

2.4. Cụm công trình đầu mối và khu xử lý:

2.4.1. Hạng mục trạm bơm nước dâng đầu kênh

- Công tác lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc hạng mục: Hoàn thành trong Quý I/2022.
- Cơ bản hoàn thành công tác cung cấp, thi công xây dựng và lắp đặt trong Quý IV/2022.

2.4.2. Hạng mục Trạm bơm sông, Trạm bơm hồ và Tuyến ống lên Khu xử lý

- Hoàn thành công tác khảo sát, thiết kế BVTC và lập dự toán trình HĐQT Công ty phê duyệt trong tháng 4 năm 2022.
- Hoàn thành công tác lựa chọn nhà thầu trong tháng 8 năm 2022.
- Tổ chức triển khai các công tác cung cấp, thi công xây dựng và lắp đặt hoàn thành trong năm 2023.

2.4.3. Hạng mục tuyến ống nước thô qua Hồ Đầm Bài

- Hoàn thành công tác khảo sát, thiết kế BVTC và lập dự toán trình HĐQT Công ty phê duyệt trong Quý II/2022.
- Hoàn thành công tác lựa chọn nhà thầu trong năm 2022.

2.4.4. Khu xử lý nước sạch

- Hoàn thành công tác khảo sát, thiết kế BVTC và lập dự toán, thẩm tra, thẩm định và trình HĐQT Công ty phê duyệt trong tháng 8 năm 2022.
- Triển khai các thủ tục lựa chọn nhà thầu, cơ bản hoàn thành trong năm 2022.

2.4.5. Khu xử lý bùn

- Hoàn thành công tác khảo sát, thiết kế BVTC và lập dự toán trình HĐQT Công ty phê duyệt trong tháng 4 năm 2022.
- Hoàn thành công tác lựa chọn nhà thầu trong tháng 8 năm 2022.
- Tổ chức triển khai các công tác cung cấp, thi công xây dựng và lắp đặt hoàn thành trong năm 2023.

2.4.6. Cài tạo hệ thống giai đoạn 1 thuộc Dự án giai đoạn II

- Xây dựng hàng rào bảo vệ kênh dẫn nước sông: Hoàn thành công tác quyết toán, bàn giao đưa vào sử dụng.
- Cài tạo mái kênh dẫn nước sông: Hoàn thành thiết kế bản vẽ thi công, lập dự toán trình phê duyệt tháng 4, tổ chức lựa chọn nhà thầu hoàn thành tháng 7 năm 2022.
- Cài tạo Trạm bơm sông, Trạm bơm hồ: Hoàn thành.
- Cài tạo hệ thống Scada: Hoàn thành công tác lựa chọn nhà thầu, cung cấp thiết bị, thi công song song với các hạng mục công trình đảm bảo tích hợp đồng bộ hệ thống cũ và hệ thống đầu tư mới.
- Xây dựng hoàn thiện các điểm lấy nước trên tuyến 40km.
- Kế hoạch thực hiện các dự án tuyến ống cấp 2

2.5. Dự án đầu tư phát triển mạng lưới truyền tải cấp 2 hệ thống cấp nước sông Đà (Dự án tuyến ống cấp 2 đường Vành đai 3.5)

- Hoàn thành công tác điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án theo phương án sử dụng vật liệu chính của tuyến ống là HDPE trong Quý I năm 2022;
- Tổ chức thẩm định, trình HĐQT Công ty xem xét phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc Dự án trong Quý I năm 2022;
- Triển khai lựa chọn nhà thầu, triển khai mua sắm, thi công xây dựng và lắp đặt với mục tiêu đạt 100% khối lượng hạng mục công trình.

Sau khi việc lựa chọn vật liệu chính cho tuyến ống HDPE được HĐQT thông qua, thời gian để chủ đầu tư tiến hành cập nhật hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi, công tác thẩm tra, thẩm định, phê duyệt có thể sẽ ảnh hưởng đến tiến độ của Dự án.

- Giá trị đầu tư thực hiện dự án năm 2022 dự kiến: 483,15 tỷ đồng.

2.6. Dự án đầu tư phát triển mạng lưới truyền tải cấp 2 số 1 - Hệ thống cấp nước sông Đà (Dự án tuyến ống cấp 2 đường Lương Thế Vinh):

- Hoàn thành công tác lập, thẩm tra, thẩm định và trình HĐQT Công ty xem xét phê duyệt trong Quý II năm 2022;

- Tổ chức lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc Dự án hoàn thành trong Quý III năm 2022;
- Tổ chức triển khai mua sắm, thi công xây dựng và lắp đặt đạt khoảng 10% khối lượng hạng mục công trình.

2.7. Kế hoạch đầu tư trong năm 2022 của Công ty giá trị như sau:

STT	Dự án đầu tư/ Nội dung	Giá trị (Tỷ đồng)	Ghi chú
I	Dự án nước sạch Sông Đà giai đoạn 2	1.834,767	
1	Chi phí đầu tư	1.821,151	
2	Chi phí hoạt động của Ban QLDA	13,616	
II	Dự án Tuyến ống cấp 2	509	
1	Dự án tuyến ống cấp 2 đường Vành đai 3.5	483,14	
2	Dự án tuyến ống cấp 2 đường Lương Thế Vinh	25,85	
	Cộng (I) + (II)	2.343,767	

2.8. Thu xếp vốn cho Dự án giai đoạn II.

Tập trung hoàn thành việc gia hạn và cấp giấy chứng nhận đầu tư, đồng thời trình phê duyệt hồ sơ báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh dự án để Ngân hàng VCB Tây Hồ có cơ sở hoàn thành công tác thẩm tra, phê duyệt và tiếp tục giải ngân cho Dự án vào tháng 6/2022.

Trên đây là Báo cáo kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2021 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu TCHC.

TỔNG GIÁM ĐỐC



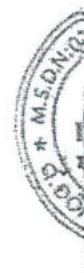
Nguyễn Xuân Quý

Deloitte.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NƯỚC SẠCH SÔNG ĐÀ
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NƯỚC SẠCH SÔNG ĐÀ
Xóm Vật Lại, xã Thịnh Minh, thành phố Hòa Bình
Tỉnh Hòa Bình, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 31

30112
CÔNG
TY
ELECTRIC
VIỆT
NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NƯỚC SẠCH SÔNG ĐÀ
Xóm Vật Lại, xã Thịnh Minh, thành phố Hòa Bình
Tỉnh Hòa Bình, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Hoàng Long	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2021)
Ông Bùi Lê Khoa	Phó Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2021)
	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 26 tháng 01 năm 2021 miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2021)
Ông Trương Khắc Hoàn	Phó Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2021)
Ông Nguyễn Xuân Quý	Thành viên
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên
Ông Lương Thanh Tùng	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 26 tháng 01 năm 2021)
	Thành viên (miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2021)
Ông Nguyễn Ngọc Thái Bình	Thành viên (miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2021)

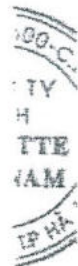
Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Xuân Quý	Tổng Giám đốc
Ông Lưu Việt Thịnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trịnh Văn Nam	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, với báo cáo kiểm toán đề ngày 11 tháng 3 năm 2021 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.



Đỗ Hồng Dương
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2393-2021-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 28 tháng 02 năm 2022
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Lương Tuấn Đạt
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 4370-2018-001-1

JOIT
CÔ
T
EL
I
Đ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND


TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		652.380.650.397	512.624.086.899
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	52.942.478.054	277.482.642.947
1. Tiền	111		52.942.478.054	97.482.642.947
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	180.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		507.837.458.513	166.470.832.211
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	116.368.090.673	107.949.568.848
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	358.182.568.631	20.378.017.366
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	33.286.799.209	38.143.245.997
III. Hàng tồn kho	140	8	51.474.828.043	54.524.679.476
1. Hàng tồn kho	141		52.800.805.822	55.773.025.456
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.325.977.779)	(1.248.345.980)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		40.125.885.787	14.145.932.265
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		18.717.628	160.155.392
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		40.107.168.159	13.985.776.873
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.626.455.694.254	1.307.482.841.259
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.787.142.000	-
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	1.787.142.000	-
II. Tài sản cố định	220		930.191.675.980	1.035.109.604.096
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	930.191.675.980	1.035.109.604.096
- Nguyên giá	222		2.263.009.213.209	2.258.476.647.205
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.332.817.537.229)	(1.223.367.043.109)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		878.969.151	878.969.151
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(878.969.151)	(878.969.151)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		561.323.307.243	136.569.617.863
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	561.323.307.243	136.569.617.863
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		120.859.325.759	121.134.720.280
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	12	120.859.325.759	121.134.720.280
V. Tài sản dài hạn khác	260		12.294.243.272	14.668.899.020
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	6.044.189.518	14.668.899.020
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	8	6.250.053.754	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		2.278.836.344.651	1.820.106.928.158

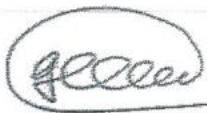
Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		915.126.105.270	653.122.561.093
I. Nợ ngắn hạn	310		272.833.281.221	130.444.118.516
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	117.955.927.343	40.914.937.063
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	12.792.834.159	14.884.799.836
3. Phải trả người lao động	314		5.922.580.286	4.889.972.326
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	6.916.668.406	5.954.272.437
5. Phải trả ngắn hạn khác	319		841.623.648	1.655.770.561
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	16	125.218.547.753	57.244.353.152
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.185.099.626	4.900.013.141
II. Nợ dài hạn	330		642.292.824.049	522.678.442.577
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	17	642.292.824.049	522.678.442.577
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.363.710.239.381	1.166.984.367.065
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	1.363.710.239.381	1.166.984.367.065
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		750.000.000.000	750.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		750.000.000.000	750.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.202.126.044	2.202.126.044
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		611.508.113.337	414.782.241.021
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		412.833.262.535	219.884.392.437
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		198.674.850.802	194.897.848.584
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		2.278.836.344.651	1.820.106.928.158


 Nguyễn Minh Đức
 Người lập biểu


 Đào Gia Thăng
 Kế toán trưởng


 Nguyễn Xuân Quý
 Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2022

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	524.968.138.157	533.800.750.131
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10		524.968.138.157	533.800.750.131
3. Giá vốn hàng bán	11	21	248.237.861.812	272.060.315.145
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		276.730.276.345	261.740.434.986
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	6.347.916.278	2.209.931.872
6. Chi phí tài chính	22	24	45.818.160.905	26.558.254.293
- Trong đó: Chi phí lãi vay	25		45.635.156.375	36.634.043.551
7. Chi phí bán hàng	25		-	1.487.227.736
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	27.798.626.335	29.836.721.441
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		209.461.405.383	206.068.163.388
10. Thu nhập khác	31		8.350.054	743.588.385
11. Chi phí khác	32		112.667.828	1.286.150.124
12. Lỗ khác (40=31-32)	40		(104.317.774)	(542.561.739)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		209.357.087.609	205.525.601.649
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	26	10.682.236.807	10.627.753.065
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		198.674.850.802	194.897.848.584
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	2.649	2.573



Nguyễn Minh Đức
 Người lập biểu



Đào Gia Thắng
 Kế toán trưởng



Nguyễn Xuân Quý
 Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2022

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	209.357.087.609	205.525.601.649
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	109.450.494.120	123.718.477.598
Các khoản dự phòng	03	77.631.799	(10.172.312.950)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(6.347.916.278)	(2.209.931.872)
Chi phí lãi vay	06	45.635.156.375	36.634.043.551
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	358.172.453.625	353.495.877.976
Giảm/(tăng) các khoản phải thu	09	12.614.909.498	(12.430.300.511)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(3.277.834.120)	8.243.533.890
Giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(336.508.963)	(17.398.315.394)
Giảm chi phí trả trước	12	8.766.147.266	4.131.504.281
Tiền lãi vay đã trả	14	(44.687.721.318)	(35.639.252.457)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(11.293.750.520)	(7.334.002.545)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(3.663.892.001)	(1.860.702.257)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	316.293.803.467	291.208.342.983
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(735.081.555.232)	(140.055.665.347)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	281.818.182
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(76.971.275.280)
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	6.710.310.799	8.262.476.393
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(728.371.244.433)	(208.482.646.052)

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	309.240.347.279	175.470.455.011
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(121.651.771.206)	(36.170.419.787)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(51.300.000)	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>187.537.276.073</i>	<i>139.300.035.224</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(224.540.164.893)	222.025.732.155
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	277.482.642.947	55.456.910.792
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	52.942.478.054	277.482.642.947

Nguyễn Minh Đức
Người lập biểu

Đào Gia Thăng
Kế toán trưởng



Nguyễn Xuân Quý
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 5400310164 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình cấp lần đầu ngày 17 tháng 12 năm 2009 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 6 được cấp ngày 24 tháng 02 năm 2020.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch tại sàn giao dịch UPCoM từ ngày 23 tháng 11 năm 2016.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX (tên gọi trước đây là: Công ty TNHH MTV Năng lượng Gelex). Công ty mẹ của cả Tập đoàn là Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX (tên gọi trước đây là: Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam).

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 128 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 131).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước (sản xuất nước sạch);
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng: lắp đặt hệ thống cấp thoát nước và lắp đặt xây dựng khác;
- Bán buôn, bán lẻ: nước sạch, máy móc, thiết bị và vật tư ngành nước; và
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (thăm dò địa chất nguồn nước).

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất nước sạch theo Dự án Đầu tư Xây dựng Hệ thống cấp nước chuỗi đô thị Sơn Tây - Hòa Lạc - Xuân Mai - Miếu Môn - Hà Nội - Hà Đông theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 5208412646 ngày 17 tháng 11 năm 2010 và các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 5 được cấp ngày 15 tháng 11 năm 2018.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 bởi một công ty kiểm toán độc lập khác.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng tổn thất. Dự phòng tổn thất của các khoản đầu tư được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp giá đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thiết bị, vật tư, phụ h được phản ánh theo giá trị thuần sau khi đã trừ đi dự phòng giảm giá (nếu có).

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	06 - 20
Máy móc và thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 - 20
Thiết bị văn phòng	03 - 07

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Phần mềm máy tính

Số năm

02 - 03

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm các khoản chi phí sửa chữa lớn tài sản, công cụ, dụng cụ xuất dùng và các chi phí trả trước khác. Các chi phí này được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu và các khoản chi phí lãi vay phải trả. Chi phí lãi vay phải trả được ghi nhận trên cơ sở gốc vay và lãi suất vay.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;



- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp nước được xác định và tính toán dựa trên biểu giá tiền nước được quy định bởi Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội và biên bản nghiệm thu khối lượng nước hàng tháng giữa Công ty và các khách hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	757.155.071	545.035.840
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	52.185.322.983	96.937.607.107
Các khoản tương đương tiền	-	180.000.000.000
	<u>52.942.478.054</u>	<u>277.482.642.947</u>

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Viwaco	68.315.078.680	60.440.669.597
Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Đông	19.706.057.246	12.373.300.858
Công ty Cổ phần Nước sạch Tây Hà Nội	10.027.042.315	13.417.287.347
Khác	18.319.912.432	21.718.311.046
	<u>116.368.090.673</u>	<u>107.949.568.848</u>

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Chế tạo bơm Hải Dương	271.746.176.825	44.444.400
Tổng Công ty Đầu tư Nước và Môi trường Việt Nam - CFCP (Viwaseen)	49.929.866.912	13.195.201.150
Công ty Cổ phần Chế tạo điện cơ Hà Nội	19.637.257.627	-
Các nhà cung cấp khác	16.869.267.267	7.138.371.816
	<u>358.182.568.631</u>	<u>20.378.017.366</u>

Trong đó: Trả trước cho các bên liên quan
(Chi tiết tại Thuyết minh số 28)

19.637.257.627

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Tạm ứng cho nhân viên	33.159.374.353	37.796.025.947
Lãi dự thu	-	87.000.000
Đặt cọc	-	134.838.000
Các khoản phải thu khác	127.424.856	125.382.050
	<u>33.286.799.209</u>	<u>38.143.245.997</u>
b. Dài hạn		
Đặt cọc, ký quỹ	1.787.142.000	-
	<u>1.787.142.000</u>	<u>-</u>
Trong đó: Tạm ứng cho các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 28)	10.000.000.000	10.000.000.000

8. HÀNG TỒN KHO VÀ THIẾT BỊ, VẬT TƯ, PHỤ TÙNG THAY THẾ DÀI HẠN

	Số cuối năm VND		Số đầu năm VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
a. Hàng tồn kho				
Nguyên liệu, vật liệu	52.258.380.304	(1.325.977.779)	55.184.444.489	(1.248.345.980)
Công cụ, dụng cụ	542.425.518	-	588.580.967	-
	<u>52.800.805.822</u>	<u>(1.325.977.779)</u>	<u>55.773.025.456</u>	<u>(1.248.345.980)</u>
b. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	6.250.053.754	-	-	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, giá trị dự phòng hàng tồn kho được trích lập với số tiền 1.325.977.779 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 1.248.345.980 VND) cho các hàng tồn kho có giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc.

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí sửa chữa lớn tài sản	5.479.745.690	9.857.611.528
Công cụ, dụng cụ xuất dúng	367.419.514	4.811.287.492
Chi phí trả trước khác	197.024.314	-
	<u>6.044.189.518</u>	<u>14.668.899.020</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NƯỚC SẠCH SỐNG ĐÀ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	2.013.761.677.839	225.310.409.391	16.885.387.273	2.519.172.702	2.258.476.647.205
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.936.966.558	2.595.599.446	-	-	4.532.566.004
Số dư cuối năm	2.015.698.644.397	227.906.008.837	16.885.387.273	2.519.172.702	2.263.009.213.209
GIÁ TRỊ HAO MÔN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	1.064.687.430.661	148.430.884.465	8.620.431.120	1.628.296.863	1.223.367.043.109
Khấu hao trong năm	101.016.872.877	5.879.381.169	2.183.131.164	371.108.910	109.450.494.120
Số dư cuối năm	1.165.704.303.538	154.310.265.634	10.803.562.284	1.999.405.773	1.332.817.537.229
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	949.074.247.178	76.879.524.926	8.264.956.153	890.875.839	1.035.109.604.096
Tại ngày cuối năm	849.994.340.859	73.595.743.203	6.081.824.989	519.766.929	930.191.675.980

Như trình bày tại Thuyết minh số 17, Công ty đã thế chấp tài sản cố định với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là khoảng 906,9 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2020: khoảng 1.009,4 tỷ VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là khoảng 552,1 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2020: khoảng 305,7 tỷ VND).

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Giai đoạn 2 - Dự án Đầu tư Xây dựng Hệ thống cấp nước chuỗi đô thị Sơn Tây - Hòa Lạc - Xuân Mai - Miếu Môn - Hà Nội - Hà Đông (i)	559.224.380.745	136.242.245.166
Dự án khác	2.098.926.498	327.372.697
	<u>561.323.307.243</u>	<u>136.569.617.863</u>

(i) Tài sản hình thành trong tương lai thuộc Giai đoạn 2 - Dự án Đầu tư Xây dựng Hệ thống cấp nước chuỗi đô thị Sơn Tây - Hòa Lạc - Xuân Mai - Miếu Môn - Hà Nội - Hà Đông được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay tại ngân hàng như đã được trình bày trong Thuyết minh số 17.

Trong năm, Công ty đã vốn hóa chi phí lãi vay với số tiền 7.068.653.950 VND (năm 2020: 7.474.336.840 VND) là lãi của các khoản vay phục vụ thanh toán chi phí đầu tư hình thành Giai đoạn 2 - Dự án Đầu tư Xây dựng Hệ thống cấp nước chuỗi đô thị Sơn Tây - Hòa Lạc - Xuân Mai - Miếu Môn - Hà Nội - Hà Đông.

12. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	Giá gốc	Số cuối năm VND		Số đầu năm VND	
		Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Viwaco (i)	120.734.325.759	-	121.009.720.280	-	-
Công ty Cổ phần Vinaconex Dung Quất	125.000.000	-	125.000.000	-	-
	<u>120.859.325.759</u>	<u>-</u>	<u>121.134.720.280</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

(i) Trong năm 2020, Công ty đã mua thêm 1.489.700 cổ phiếu tương ứng với 9,31% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Viwaco (VAV) trị giá 76,9 tỷ VND. Theo đó, Công ty đã nâng tỷ lệ sở hữu tại Công ty Cổ phần Viwaco lên 15,09% kể từ ngày 26 tháng 02 năm 2020. Trong năm 2021, Công ty nhận được cổ tức từ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 của Công ty Cổ phần Viwaco với số tiền là 6.109.875.000 VND. Trong đó, cổ tức phân bổ cho phần kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước ngày 26 tháng 02 năm 2020 là 275.394.521 VND được ghi giảm giá trị khoản đầu tư. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 155.506.680.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 127.979.100.000 VND) được xác định dựa trên giá đóng cửa của cổ phiếu VAV trên sàn giao dịch chứng khoán UpCoM tại ngày kết thúc năm tài chính và số lượng cổ phiếu mà Công ty đang nắm giữ.

Công ty đã sử dụng 4.829.400 cổ phiếu VAV của Công ty Cổ phần Viwaco để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ khoản vay ngân hàng như trình bày tại Thuyết minh số 17.

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Vinaconex Dung Quất tại ngày kết thúc niên độ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào công ty chưa niêm yết này.

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm VND	Số phải nộp VND	Số đã thực nộp VND	Số cuối năm VND
Phí dịch vụ môi trường rừng	9.484.146.608	5.306.043.944	5.298.301.040	9.491.889.512
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.293.750.520	10.682.236.807	11.293.750.520	2.682.236.807
Thuế tài nguyên	499.542.983	5.263.361.226	5.250.368.812	512.535.397
Thuế thu nhập cá nhân	193.226.059	999.934.857	1.091.101.926	102.058.990
Phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước	1.286.482.500	5.145.930.000	6.432.412.500	-
Các loại thuế khác	127.651.166	94.055.773	217.593.486	4.113.453
	14.884.799.836	27.491.562.607	29.583.528.284	12.792.834.159

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND		Số đầu năm VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Chế tạo bơm Hải Dương	89.500.277.346	89.500.277.346	-	-
Tổng Công ty Đầu tư Nước và Môi trường Việt Nam - CTCP (Viwaseen)	15.642.953.458	15.642.953.458	3.822.819.927	3.822.819.927
Công ty Cổ phần LICOGI 16	5.927.897.789	5.927.897.789	30.902.595.041	30.902.595.041
Công ty TNHH Kỹ thuật Thương mại Trường An	1.396.651.340	1.396.651.340	2.277.631.244	2.277.631.244
Các nhà cung cấp khác	5.488.147.410	5.488.147.410	3.911.890.851	3.911.890.851
	117.955.927.343	117.955.927.343	40.914.937.063	40.914.937.063

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí lãi vay phải trả	5.732.170.370	4.784.735.313
Chi phí điện năng	1.058.572.160	972.871.192
Chi phí phải trả khác	125.925.876	196.665.932
	6.916.668.406	5.954.272.437
Trong đó: Chi phí phải trả cho các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 28)	236.694.444	-



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NƯỚC SẠCH SỐNG ĐÀ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

16. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND		VND		VND	
Vay ngắn hạn	52.331.330.964	52.331.330.964	184.712.943.619	116.738.749.018	120.305.525.565	120.305.525.565
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hòa Bình (i)	52.331.330.964	52.331.330.964	128.412.943.619	116.738.749.018	64.005.525.565	64.005.525.565
Công ty Cổ phần Hạ tầng Gelex (bên liên quan) (i)	-	-	35.300.000.000	-	35.300.000.000	35.300.000.000
Công ty TNHH Nước Sạch REE (bên liên quan) (i)	-	-	21.000.000.000	-	21.000.000.000	21.000.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả (Xem Thuyết minh số 17)	4.913.022.188	4.913.022.188	4.913.022.188	4.913.022.188	4.913.022.188	4.913.022.188
	57.244.353.152	57.244.353.152	189.625.965.807	121.651.771.206	125.218.547.753	125.218.547.753

Trong đó: Vay ngắn hạn với bên liên quan
(Chi tiết tại Thuyết minh số 28)

56.300.000.000

56.300.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NƯỚC SẠCH SỐNG ĐÀ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

(l) Chi tiết thông tin về khoản vay ngắn hạn như sau:

Bên cho vay	Hạn mức (VND)	Dư nợ cuối năm (VND)	Lãi suất	Thời hạn cho vay, lịch thanh toán gốc, lãi	Mục đích	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hòa Bình	73.500.000.000	64.005.525.565	7-7,5%/năm	Thời hạn cho vay được ghi trên từng giấy nhận nợ, tối đa không quá 6 tháng.	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
Công ty Cổ phần Hạ tầng Gelex	35.300.000.000	35.300.000.000	10%/năm	Thời hạn cho vay 3 tháng. Lãi vay được trả hàng tháng, gốc vay thanh toán khi đáo hạn.	Thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ và hợp pháp của Giai đoạn 2 Dự án Đầu tư Xây dựng Hệ thống cấp nước và chuỗi đô thị Sơn Tây - Hòa Lạc - Xuân Mai - Miếu Môn - Hà Nội - Hà Đông nâng công suất lên 600.000 m ³	Tín chấp
Công ty TNHH Nước Sạch REE	21.000.000.000	21.000.000.000	10%/năm	Thời hạn cho vay 3 tháng. Lãi vay được trả hàng tháng, gốc vay thanh toán khi đáo hạn.	Thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ và hợp pháp của Giai đoạn 2 Dự án Đầu tư Xây dựng Hệ thống cấp nước và chuỗi đô thị Sơn Tây - Hòa Lạc - Xuân Mai - Miếu Môn - Hà Nội - Hà Đông nâng công suất lên 600.000 m ³	Tín chấp

Tổng dư nợ 120.305.525.565



17. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Các khoản vay dài hạn bao gồm:

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay dài hạn						
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Hồ (I)	462.493.920.760	462.493.920.760	124.527.403.660	-	587.021.324.420	587.021.324.420
Nhóm các ngân hàng Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Hồ và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cầu Giấy (I)	65.097.544.005	65.097.544.005	-	4.913.022.188	60.184.521.817	60.184.521.817
	527.591.464.765	527.591.464.765	124.527.403.660	4.913.022.188	647.205.846.237	647.205.846.237

Trong đó:

- Số phải trả trong vòng 12 tháng 4.913.022.188
- Số phải trả sau 12 tháng 522.678.442.577

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	4.913.022.188	4.913.022.188
Trong năm thứ hai	46.843.116.789	4.913.022.188
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	140.529.350.368	113.844.906.727
Sau năm năm	454.920.356.692	403.920.513.662
	<u>647.205.846.237</u>	<u>527.591.464.765</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	4.913.022.188	4.913.022.188
Số phải trả sau 12 tháng	<u>642.292.824.049</u>	<u>522.678.442.577</u>

00
T
H
T
NA
19

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NƯỚC SẠCH SÔNG ĐÀ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu:

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm trước	750.000.000.000	2.202.126.044	222.640.953.437	974.843.079.481
Lợi nhuận trong năm	-	-	194.897.848.584	194.897.848.584
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(2.756.561.000)	(2.756.561.000)
Số dư cuối năm trước	750.000.000.000	2.202.126.044	414.782.241.021	1.166.984.367.065
Số dư đầu năm nay	750.000.000.000	2.202.126.044	414.782.241.021	1.166.984.367.065
Lợi nhuận trong năm	-	-	198.674.850.802	198.674.850.802
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	-	(1.948.978.486)	(1.948.978.486)
Số dư cuối năm nay	750.000.000.000	2.202.126.044	611.508.113.337	1.363.710.239.381

(i) Trong năm, Công ty đã trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2020 với số tiền là 1.948.978.486 VND theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 số 01/2021/NQ-BHĐCB ngày 27 tháng 4 năm 2021.



Vốn điều lệ:

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh gần nhất, vốn điều lệ của Công ty là 750 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 750 tỷ VND). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ như sau:

	Vốn đã góp			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Công ty Cổ phần Hạ tầng Gelex	454.840.000.000	62,46%	453.480.000.000	60,46%
Công ty TNHH Nước sạch REE	269.600.000.000	35,88%	269.600.000.000	35,88%
Các cổ đông khác	15.560.000.000	1,66%	26.920.000.000	3,66%
	750.000.000.000	100%	750.000.000.000	100%

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	75.000.000	75.000.000
Cổ phiếu phổ thông	75.000.000	75.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	75.000.000	75.000.000
Cổ phiếu phổ thông	75.000.000	75.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

19. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động chính của Công ty trong năm chủ yếu là sản xuất và cung cấp nước sạch. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động trọng yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty cung cấp hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định rằng Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý và Công ty không cần trình bày thông tin báo cáo theo bộ phận.

20. DOANH THU BÁN HÀNG

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán nước sạch	524.968.138.157	531.590.280.795
Doanh thu xây lắp	-	2.210.469.336
	524.968.138.157	533.800.750.131

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn bán nước sạch	248.237.861.812	269.030.687.703
Giá vốn xây lắp	-	3.029.627.442
	248.237.861.812	272.060.315.145

22. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	20.035.437.898	18.638.609.806
Chi phí nhân công	30.692.194.152	29.625.884.840
Chi phí khấu hao tài sản cố định	109.450.494.120	123.718.477.598
Chi phí dịch vụ mua ngoài	87.932.584.252	97.619.677.953
Chi phí khác bằng tiền	27.925.777.725	30.751.986.683
	276.036.488.147	300.354.636.880

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

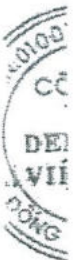
	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi	513.435.799	2.081.931.872
Cổ tức được chia	5.834.480.479	128.000.000
	6.347.916.278	2.209.931.872

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	45.635.156.375	36.634.043.551
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	-	(10.172.312.950)
Chi phí tài chính khác	183.004.530	96.523.692
	45.818.160.905	26.558.254.293

25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	14.353.382.017	13.928.582.038
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.150.542.995	6.887.762.310
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.556.991.343	3.007.197.502
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	7.737.709.980	6.013.179.591
	27.798.626.335	29.836.721.441



Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn	19.637.257.627	-
Công ty cổ phần chế tạo điện cơ Hà Nội	19.637.257.627	-
Chi phí phải trả	236.694.444	-
Công ty Cổ phần Hạ tầng Gelex	166.694.444	-
Công ty TNHH Nước sạch REE	70.000.000	-
Vay ngắn hạn	76.300.000.000	20.000.000.000
Công ty Cổ phần Hạ tầng Gelex	35.300.000.000	-
Công ty TNHH Nước sạch REE	21.000.000.000	-
Tạm ứng cho nhân viên	10.000.000.000	10.000.000.000
Ông Trịnh Văn Nam	10.000.000.000	10.000.000.000

Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thù lao cho Hội đồng Quản trị	1.995.000.000	2.269.174.294
Lưu Việt Thịnh	-	120.000.000
Nguyễn Văn Tồn	-	416.333.000
Nguyễn Trọng Hiền	-	88.419.355
Nguyễn Xuân Quý	360.000.000	210.000.000
Bùi Lê Khoa	420.000.000	121.421.939
Lương Thanh Tùng	125.000.000	761.000.000
Nguyễn Anh Tuấn	360.000.000	211.000.000
Nguyễn Ngọc Thái Bình	90.000.000	341.000.000
Nguyễn Hoàng Long	400.000.000	-
Trương Khắc Hoàng	240.000.000	-
	Năm nay VND	Năm trước VND
Thù lao cho Ban kiểm soát	400.000.000	-
Nguyễn Việt Hà	240.000.000	-
Lê Huy	80.000.000	-
Nguyễn Thị Ngọc Oanh	80.000.000	-

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thu nhập Ban Tổng Giám đốc	3.595.287.606	3.392.980.214
Nguyễn Xuân Quý	1.631.733.135	1.349.619.424
Lưu Việt Thịnh	961.453.944	766.570.686
Trịnh Văn Nam	1.002.100.526	670.474.921
Bùi Đăng Khoa	-	424.108.283
Vũ Đức Toàn	-	182.206.900

29. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phí tiền tệ

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 112.515.557.223 VND (2020: 36.333.787.985 VND), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.



Nguyễn Minh Đức
Người lập biểu

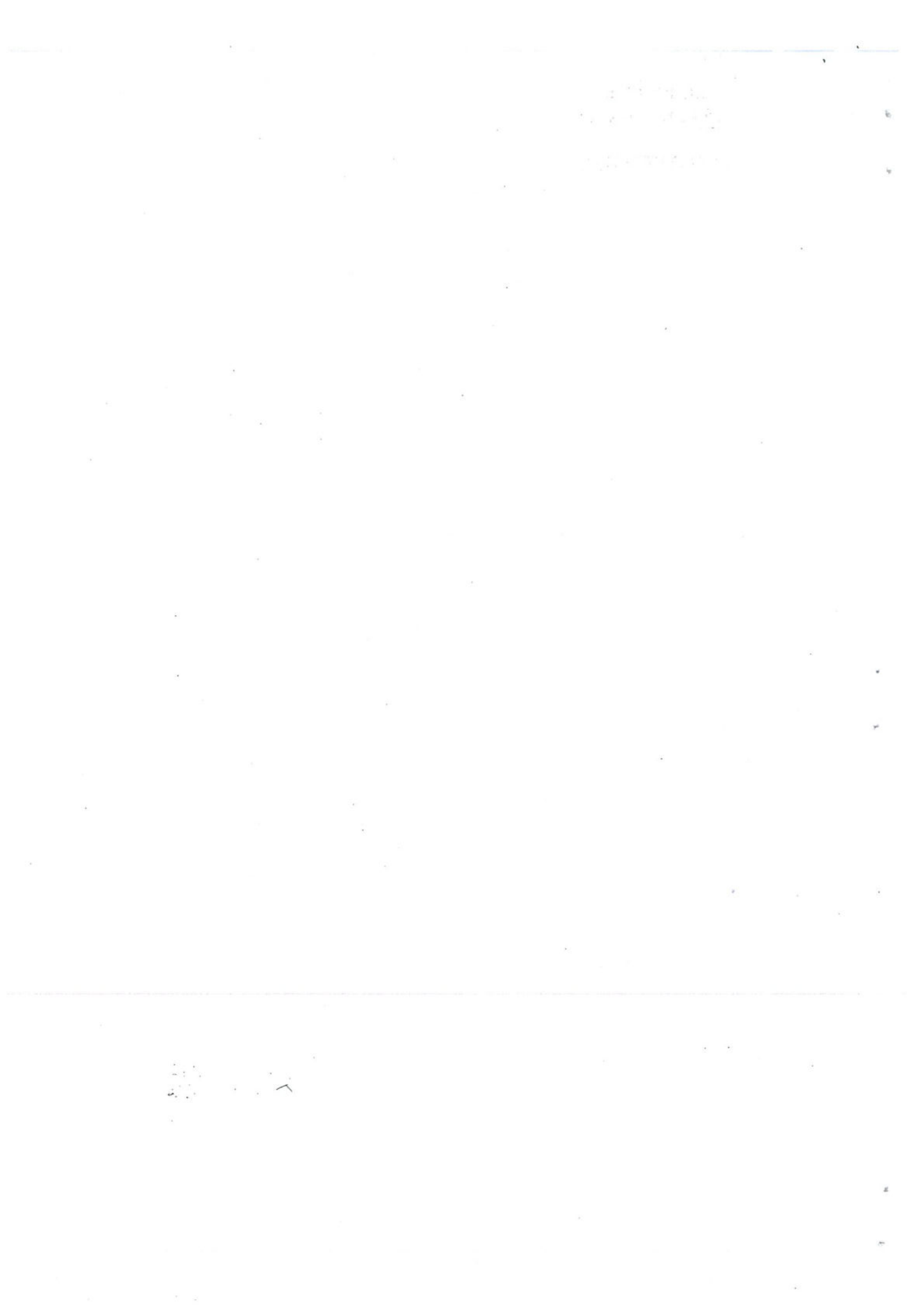


Đào Gia Thắng
Kế toán trưởng



Nguyễn Xuân Quý
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2022



Số: ~~124~~/2022/BC-HĐQT

Hòa Bình, ngày ~~25~~ tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2021
VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2022

Kính gửi: Đại hội cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà

Trong năm 2021, bên cạnh một số thuận lợi nhất định, Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà (“**Công ty**”) vẫn tiếp tục đối mặt với những khó khăn thách thức như (1) chịu tác động trực tiếp và gián tiếp do ảnh hưởng chung của đại dịch Covid-19 nên một số hạng mục nâng cấp, đầu tư mới của đơn vị bị chậm tiến độ. Sản lượng nước sạch tiêu thụ trong năm 2021 giảm nhiều do nhu cầu sử dụng của một số khách hàng giảm mạnh như: dịch vụ ăn uống, khách sạn đóng cửa, nhà xưởng bị dừng sản xuất, học sinh, sinh viên nghỉ học; (2) , tình hình biến đổi khí hậu dẫn đến dòng chảy trên lưu vực Sông Đà và mực nước Hồ thủy điện Hòa Bình xuống thấp, có một số thời điểm cực đoan làm cho mực nước đầu kênh lấy nước không đạt cao độ thiết kế để cấp đủ lượng nước cho Nhà máy sản xuất đạt theo công suất thiết kế của Dự án Nước sạch Sông Đà Giai đoạn I; (3) Năng lực tiếp nhận tại các điểm đầu nối của các khách hàng mua buôn nước sạch với tuyến ống truyền tải chính của Công ty đoạn từ Nhà máy đến đường Vành Đai 3 đã tiệm cận khả năng truyền tải của hệ thống trong khi việc đầu tư phát triển mạng lưới cấp 2 của Công ty trong thời gian gặp nhiều khó khăn trong việc triển khai xúc tiến các thủ tục pháp lý đầu tư của Dự án; (4) Một số thủ tục đầu tư của Dự án giai đoạn II trong năm 2021 chưa hoàn thành dẫn đến việc phải điều chỉnh tiến độ thực hiện Dự án giai đoạn II. Nhưng với sự chỉ đạo sát sao, kịp thời của Hội đồng quản trị Công ty, Ban Giám đốc Công ty đã thực hiện, hoàn thành tốt các nhiệm vụ và Nghị quyết của Đại hội Cổ đông thường niên năm 2021 đề ra. Bên cạnh đó, Hội đồng quản trị không ngừng phát huy năng lực, trách nhiệm, ý thức chấp hành pháp luật, thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn trong công tác quản trị Công ty.

Hội đồng quản trị (“**HĐQT**”) Công ty xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông (“**ĐHĐCĐ**”) về công tác quản trị, kết quả hoạt động năm 2021 và kế hoạch công tác năm 2022 của HĐQT như sau:

I. Kết quả công tác quản trị điều hành năm 2021

Với vai trò là cơ quan quản lý của Công ty, trong nhiệm kỳ các thành viên HĐQT Công ty đã tích cực phối hợp làm việc trên tinh thần trách nhiệm cao để định hướng, chỉ đạo, giám sát... đưa ra những quyết định kịp thời mang tính hiệu quả; Triển khai thực hiện nghiêm túc Nghị quyết của ĐHĐCĐ và hỗ trợ Ban Giám đốc trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư dự án, hoạt động quản trị của Công ty.

HĐQT Công ty đánh giá trong từng mặt hoạt động của Công ty như sau:

1. Công tác tổ chức, lãnh đạo, giám sát chỉ đạo điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Để thực hiện tốt Nghị quyết của ĐHĐCĐ hàng năm, HĐQT Công ty luôn bám sát, chỉ đạo đối với Ban Giám đốc, các bộ phận chức năng, nghiệp vụ thông qua các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.

- Giúp ban điều hành chủ động, kịp thời trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư đảm bảo hiệu quả kinh tế và nâng cao vai trò, trách nhiệm của cá nhân được giao, đặc biệt là đối với người đại diện theo pháp luật của Công ty.
- HĐQT luôn bám sát Nghị quyết của ĐHĐCĐ để chỉ đạo chặt chẽ các hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư của Công ty, đảm bảo thực hiện đúng quy định của Nhà nước và pháp luật.

2. Về công tác sản xuất kinh doanh của Công ty

HĐQT đã chỉ đạo và điều hành Công ty thực hiện tốt các nhiệm vụ trong Kế hoạch sản xuất kinh doanh được ĐHĐCĐ phê duyệt với các chỉ tiêu chủ yếu Công ty đạt được trong nhiệm kỳ như sau:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Khoản mục	Đ.vị	Kế hoạch Năm 2021	Thực hiện Năm 2021	Tỷ lệ % TH/KHN
(a)	(b)	(c)	(1)	(2)	(3)=(2)/(1)
1	Tổng sản lượng nước	m ³	106.273.516	101.862.498	95,85%
2	Doanh thu HĐSX kinh doanh	10 ⁹	547,30	524,97	95,92%
3	Lợi nhuận sau thuế	10 ⁹	164,20	198,675	120,99%

Nhìn chung, tổng sản lượng nước và doanh thu HĐSXKD chưa đạt kế hoạch đề ra, tuy nhiên trong năm do Công ty làm tốt công tác quản lý chi phí và thực hành tiết kiệm triệt để trong hoạt động sản xuất nên lợi nhuận sau thuế đã vượt so với kế hoạch năm 2021 đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt:

3. Công tác giám sát tài chính

Chỉ đạo Ban Giám đốc Công ty làm tốt công tác thu xếp vốn, cân đối dòng tiền để đảm bảo chi phí mua vật tư phục vụ sản xuất kinh doanh, đầu tư Dự án Nước sạch Sông Đà Giai đoạn 2 và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế đối với nhà nước.

4. Công tác đầu tư:

4.1. Dự án đầu tư tuyến ống Giai đoạn II:

4.2.1 Thủ tục pháp lý:

- Trong năm 2021, Chính phủ có văn bản số 1568/TTg-CN ngày 16/11/2021 về việc chấp thuận không sử dụng hồ Đàm Bài làm hồ sơ lắng và nghiên cứu bổ sung các hạng mục công trình đảm bảo an ninh, an toàn cấp nước. Trong năm, Công ty đã tích cực làm việc với các cơ quan hữu quan để được cấp Quyết định đầu tư điều chỉnh Dự án. (Ngày 20/1/2022, UBND tỉnh Hòa Bình đã ban hành Quyết định số 07/2022/UBND về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư và chấp thuận nhà đầu tư).

- Tuy nhiên, Công tác thẩm định Dự án của Bộ Xây dựng vẫn chưa hoàn thành, nên Công ty chưa trình HĐQT phê duyệt được Dự án đầu tư điều chỉnh (FS điều chỉnh).

4.2.2 Công tác đấu thầu:

- Trong năm 2021, đã hoàn thành công tác lựa chọn nhà thầu 10 gói thầu, cụ thể:
- Tuyển ông truyền tải nước sạch 40km từ Khu xử lý đến Trạm điều tiết Tây Mỗ: 04 gói thầu gồm: Thiết kế bản vẽ thi công, cung cấp, xây dựng và lắp đặt (EPC-02); Tư vấn giám sát (TV32); Bảo hiểm mọi rủi ro xây dựng và lắp đặt (BH10); Thí nghiệm chỉ tiêu nền đất yếu (EPC02.TV01).
- Cải tạo trạm bơm sông, trạm bơm hồ: 03 gói thầu gồm: Thiết kế bản vẽ thi công, cung cấp, xây dựng và lắp đặt (GĐ1.CT01); Tư vấn thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công (GĐ1.CT02); Tư vấn giám sát (GĐ1.CT03).
- Tư vấn thiết kế các hạng mục còn lại: 03 gói thầu gồm: Lập đề cương nhiệm vụ khảo sát và thiết kế (TV37); Khảo sát, thiết kế bản vẽ thi công hạng mục tuyển ông nước thô ven hồ Đầm Bài (TV38); Khảo sát, thiết kế bản vẽ thi công Khu xử lý và các công trình nguồn (TV39).

4.2. Dự án đầu tư phát triển mạng lưới truyền tải cấp 2 hệ thống cấp nước sông Đà (Dự án tuyển ông cấp 2 đường Vành đai 3.5):

- Về công tác tổ chức thực hiện: Trong năm 2021, đã hoàn thành công tác lựa chọn nhà thầu 02 gói thầu chuẩn bị dự án: 1) Khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án phát triển mạng lưới truyền tải cấp 2 hệ thống cấp nước sông Đà và 2) Thẩm tra báo cáo nghiên cứu khả thi dự án phát triển mạng lưới truyền tải cấp 2 hệ thống cấp nước sông Đà.
- Hoàn thành công tác lập và thẩm tra báo cáo nghiên cứu khả thi dự án theo phương án sử dụng ống gang.
- Đến thời điểm hiện tại, Công ty đang trình UBND thành phố Hà Nội điều chỉnh Chủ trương đầu tư để phù hợp với điều kiện thực tế và Quy hoạch cấp nước đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

5. Thực hiện nghĩa vụ và trách nhiệm của công ty đại chúng và quan hệ với Cổ đông.

Công ty luôn tuân thủ đúng, đầy đủ và kịp thời việc cung cấp thông tin theo quy định của pháp luật đối với công ty đại chúng như: Báo cáo tài chính, báo cáo về chốt danh sách cổ đông, thay đổi nhân sự chủ chốt ... cũng như theo yêu cầu cung cấp thông tin của các quý cổ đông.

Danh sách Người có liên quan và các lợi ích có liên quan theo quy định tại Khoản 4 Điều 164 Luật doanh nghiệp đã được công ty công bố tại Báo cáo quản trị Công ty năm 2021 số 39/2021/BC-VIWASUPCO ngày 25/1/2022.

6. Thù lao, chi phí hoạt động, các lợi ích khác của HĐQT, thành viên HĐQT năm 2021.

- Thù lao của Hội đồng quản trị năm 2021 là: 1.995.000.000 đồng
- Chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021 là: 183.822.000 đồng

7. Tổng kết các cuộc họp, nghị quyết, quyết định của HĐQT năm 2021:

- Trong năm 2021, HĐQT Công ty tổ chức 3 cuộc họp trực tiếp, 1 cuộc họp online.
- Ban hành tổng số: 35 nghị quyết và 10 quyết định (Theo cả hình thức họp trực tiếp và lấy ý kiến bằng văn bản) theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ và các Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

8. Báo cáo các giao dịch với bên có liên quan theo quy định của pháp luật thuộc thẩm quyền của HĐQT năm 2021.

Cụ thể theo bảng dưới đây:

ST T	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Hợp đồng/giao dịch	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
1	Công ty cổ phần Hạ tầng Gelex	Cổ đông lớn	13/12/2021	1312/2021/HĐ VV/HT-SĐ ngày	Hợp đồng vay vốn (35.3 tỷ VNĐ)
2	Công ty TNHH MTV Nước sạch REE	Cổ đông lớn	13/1/2021	01/2021/HĐV ngày	Hợp đồng vay vốn (21 tỷ VNĐ)
3	Công ty cổ phần Chế tạo điện cơ Hà Nội	Tổ chức có liên quan của người nội bộ - Công ty Cổ phần hạ tầng Gelex	4/11/2021	21/HĐKT/VI. WASUPCO-HEM-PECOM-WATECH	Thiết kế bản vẽ, mua sắm thiết bị, thi công cải tạo xây dựng và lắp đặt Hạng mục Trạm bơm Sông, Trạm bơm Hồ (98.186.288:138 đ)

Các giao dịch trên đã được thông qua, phê duyệt và được Công ty công bố thông tin (nếu cần thiết) theo đúng quy định của pháp luật.

II. Đánh giá của HĐQT/Kết quả giám sát về tình hình thực hiện nhiệm vụ của Ban Giám đốc Công ty trong nhiệm kỳ.

- Ban Giám đốc Công ty luôn sâu sát trong hoạt động sản xuất kinh doanh; Chấp hành tốt các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và thực hiện nghiêm túc Nghị quyết của ĐHCĐ; Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, đặc biệt là:
- + Tổ chức thực hiện hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2021;
- + Trong điều kiện thị trường sản xuất và kinh doanh nước sạch ngày càng bị cạnh tranh do xuất hiện các nhà đầu tư mới, đường ống truyền tải nước sạch giai đoạn 1 đang xuống cấp nghiêm trọng và thường xuyên xảy ra sự cố, mực nước trên Sông Đà xuống thấp..., Ban Giám đốc đã chủ động, tích cực trong việc chủ động các phương án phòng ngừa/khắc phục sự cố tuyến ống, phối hợp với Nhà máy thủy điện Sông Đà/ Trung tâm điều độ hệ thống điện Quốc Gia (A0), nâng cao chất lượng dịch vụ cũng như sản lượng nước sản xuất hàng năm, đảm bảo an toàn cấp nước cho người dân Thành phố Hà Nội, củng cố và mở rộng địa bàn cấp nước của Công ty.
- Ban Giám đốc Công ty thường xuyên đưa ra những đề xuất kịp thời với HĐQT, đồng thời kiến nghị các giải pháp phù hợp nhằm tăng cường hiệu quả quản lý tài chính, tiết kiệm chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí quản lý đầu tư; đồng thời làm tốt công tác quan hệ, hợp tác với cổ đông; Công bố thông tin định kỳ theo đúng quy định pháp luật.

* **Kết luận:** Qua quá trình giám sát, HĐQT nhận thấy Ban Giám đốc Công ty đã triển khai

thực hiện nghiêm túc và có hiệu quả Nghị quyết của ĐHCĐ, các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT Công ty, kịp thời thông tin, báo cáo và điều chỉnh các hoạt động sản xuất kinh doanh/đầu tư phù hợp với thực tế và yêu cầu của HĐQT Công ty.

III. Một số nhiệm vụ điều hành trọng tâm của HĐQT năm 2022

Căn cứ vào tình hình thực tế hiện nay của Công ty, với ý thức, trách nhiệm trước cổ đông, HĐQT Công ty đã thống nhất tập trung chỉ đạo và xác định một số nhiệm vụ trọng tâm năm 2022 như sau:

1. Về công tác sản xuất kinh doanh:

- Tăng cường công tác quản trị, đề ra các chiến lược và giải pháp chỉ đạo, giám sát, điều hành hoạt động SXKD của Công ty, phân đầu hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 với một số chỉ tiêu chính sau:

STT	Khoản mục	Đ.vị	Thực hiện Năm 2021	Kế hoạch Năm 2022	Tỷ lệ % KH22/TH21
(a)	(b)	(c)	(1)	(2)	(3)=(2)/(1)
1	Tổng sản lượng nước	m ³	101.862.498	104.351.517	102,44%
2	Doanh thu HDSX kinh doanh	tỷ đ	524,97	537,89	102,46%
3	Lợi nhuận sau thuế	tỷ đ	198,67	175,035	88,1%

2. Về công tác đầu tư.

2.1. Kế hoạch thực hiện đầu tư xây dựng dự án giai đoạn 2:

- a. Công tác điều chỉnh Chủ trương đầu tư và Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án

Hoàn thành công tác lập, thẩm định và trình HĐQT Công ty phê duyệt trong Quý I/2022.

- b. Công tác thiết kế bản vẽ thi công các hạng mục còn lại của dự án:

Hoàn thành toàn bộ công tác khảo sát, thiết kế bản vẽ thi công, trình Bộ Xây dựng thẩm định ngay sau khi có Quyết định chủ trương đầu tư điều chỉnh và Báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh được phê duyệt. Trình HĐQT phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu các hạng mục còn lại trong Quý II năm 2022.

- c. Hạng mục Tuyến ống truyền tải nước sạch đoạn từ Khu xử lý đến Trạm điều tiết Tây Mỗ (Km7+800):

- Hoàn thành công tác thỏa thuận thiết kế bản vẽ thi công tuyến ống qua Xanh Villas, phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công toàn bộ tuyến ống trong Quý I/2022.
- Trình HĐQT Công ty phê duyệt bổ sung các điểm lấy nước trên tuyến, tổ chức thực hiện thi công song song với việc thi công tuyến ống chính.
- Tổ chức triển khai và hoàn thành công tác cung cấp, thi công xây dựng và lắp đặt toàn bộ tuyến ống trong Quý IV năm 2022.

2.2. Cụm công trình đầu mối và khu xử lý:

- a) Hạng mục trạm bơm nước dâng đầu kênh

- Công tác lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc hạng mục: Hoàn thành trong Quý I/2022.
- Cơ bản hoàn thành công tác cung cấp, thi công xây dựng và lắp đặt trong Quý IV/2022.

- b) Hạng mục Trạm bơm sông, Trạm bơm hồ và Tuyến ống lên Khu xử lý

- Hoàn thành công tác khảo sát, thiết kế BVTC và lập dự toán trình HĐQT Công ty phê

duyệt trong tháng 4 năm 2022.

- Hoàn thành công tác lựa chọn nhà thầu trong tháng 8 năm 2022.
- Tổ chức triển khai các công tác cung cấp, thi công xây dựng và lắp đặt hoàn thành trong năm 2023.

c) *Hạng mục tuyến ống nước thô qua Hồ Đầm Bài*

- Hoàn thành công tác khảo sát, thiết kế BVTC và lập dự toán trình HĐQT Công ty phê duyệt trong Quý II/2022.
- Hoàn thành công tác lựa chọn nhà thầu trong năm 2022.

d) *Khu xử lý nước sạch*

- Hoàn thành công tác khảo sát, thiết kế BVTC và lập dự toán, thẩm tra, thẩm định và trình HĐQT Công ty phê duyệt trong tháng 8 năm 2022.
- Triển khai các thủ tục lựa chọn nhà thầu, cơ bản hoàn thành trong năm 2022.

e) *Khu xử lý bùn*

- Hoàn thành công tác khảo sát, thiết kế BVTC và lập dự toán trình HĐQT Công ty phê duyệt trong tháng 4 năm 2022.
- Hoàn thành công tác lựa chọn nhà thầu trong tháng 8 năm 2022.
- Tổ chức triển khai các công tác cung cấp, thi công xây dựng và lắp đặt hoàn thành trong năm 2023.

2.3. *Cải tạo hệ thống giai đoạn 1 thuộc Dự án giai đoạn II*

- Xây dựng hàng rào bảo vệ kênh dẫn nước sông: Hoàn thành công tác quyết toán, bàn giao đưa vào sử dụng.
- Cải tạo mái kênh dẫn nước sông: Hoàn thành thiết kế bản vẽ thi công, lập dự toán trình phê duyệt tháng 4, tổ chức lựa chọn nhà thầu hoàn thành tháng 7 năm 2022.
- Cải tạo Trạm bơm sông, Trạm bơm hồ: Hoàn thành.
- Cải tạo hệ thống Scada: Hoàn thành công tác lựa chọn nhà thầu, cung cấp thiết bị, thi công song song với các hạng mục công trình đảm bảo tích hợp đồng bộ hệ thống cũ và hệ thống đầu tư mới.
- Xây dựng hoàn thiện các điểm lấy nước trên tuyến 40km.
- Kế hoạch thực hiện các dự án tuyến ống cấp 2.

3. *Dự án đầu tư phát triển mạng lưới truyền tải cấp 2 hệ thống cấp nước sông Đà (Dự án tuyến ống cấp 2 đường Vành đai 3.5)*

- Hoàn thành công tác điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án theo phương án sử dụng vật liệu chính của tuyến ống là HDPE trong Quý I năm 2022;
- Xem xét, phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc Dự án trong Quý I năm 2022;
- Triển khai lựa chọn nhà thầu, triển khai mua sắm, thi công xây dựng và lắp đặt với mục tiêu đạt 100% khối lượng hạng mục công trình.

Sau khi việc lựa chọn vật liệu chính cho tuyến ống HDPE được HĐQT thông qua, thời gian để chủ đầu tư tiến hành cập nhật hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi, công tác thẩm tra, thẩm định, phê duyệt có thể sẽ ảnh hưởng đến tiến độ của Dự án.

- Giá trị đầu tư thực hiện dự án năm 2022 dự kiến: 483,15 tỷ đồng.

4. Dự án đầu tư phát triển mạng lưới truyền tải cấp 2 số 1 - Hệ thống cấp nước sông Đà (Dự án tuyến ống cấp 2 đường Lương Thế Vinh):

- Hoàn thành công tác lập, thẩm tra, thẩm định và trình HĐQT Công ty xem xét phê duyệt trong Quý II năm 2022;
- Tổ chức lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc Dự án hoàn thành trong Quý III năm 2022;
- Tổ chức triển khai mua sắm, thi công xây dựng và lắp đặt đạt khoảng 10% khối lượng hạng mục công trình.

* Các chỉ tiêu đầu tư năm 2022 của Công ty:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Dự án đầu tư/ Nội dung	Giá trị (tỷ đồng)	Ghi chú
I	Dự án nước sạch Sông Đà giai đoạn 2	1.834,767	
1	Chi phí đầu tư	1.821,151	
2	Chi phí hoạt động của Ban QLDA	13,616	
II	Dự án Tuyến ống cấp 2	509	
1	Dự án tuyến ống cấp 2 đường Vành đai 3.5	483,15	
2	Dự án tuyến ống cấp 2 đường Lương Thế Vinh	25,85	
	Cộng (I) + (II)	2.343,767	

HĐQT xin trân trọng báo cáo ĐHCĐ về công tác quản trị, kết quả hoạt động năm 2021 và kế hoạch công tác năm 2022 của HĐQT.

Kính trình ĐHCĐ xem xét thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Hoàng Long



Hòa Bình, ngày 25 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2021

Công ty cổ phần Đầu tư nước sạch Sông Đà (“Công ty”)

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY

Thay mặt Ban kiểm soát (“BKS”), Trưởng BKS xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) kết quả hoạt động của BKS trong năm tài chính 2021 như sau:

I. Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021, tình hình tài chính và Báo cáo tài chính năm 2021:

1. Về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021:

Nội dung	Đvt	KH năm 2021	TH năm 2021	TH/KH (%)
A. Sản lượng nước sản xuất	Tr. m3	106,27	101,86	95,9%
B. Tổng doanh thu	Tỷ.đ	548,6	531,3	96,9%
1. Doanh thu cấp nước	Tỷ.đ	547,3	524,9	95,9%
2. Doanh thu khác	Tỷ.đ	1,3	6,4	492,3%
C. Tổng chi phí	Tỷ.đ	384,3	332,6	85,9%
D. Lợi nhuận sau thuế	Tỷ.đ	164,3	198,7	120,9%

Năm 2021, do ảnh hưởng của dịch bệnh và diễn biến phức tạp của nguồn nước Sông Đà nên Công ty không hoàn thành được kế hoạch sản lượng và doanh thu. Tuy nhiên, nhờ chú trọng công tác cấp nước an toàn nên đã tiết giảm được chi phí bảo dưỡng (chi phí bảo dưỡng thực tế phát sinh chỉ bằng khoảng 38% kế hoạch chi phí năm) cùng với việc thu được cổ tức từ khoản đầu tư tại CTCP Viwaco nên đã giúp Công ty hoàn thành vượt mức kế hoạch lợi nhuận.

2. Về Báo cáo tài chính năm 2021:

Ban kiểm soát đã thực hiện thẩm tra Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam. Theo ý kiến của đơn vị kiểm toán, Báo cáo tài chính năm 2021 đã phản ánh trung thực, hợp lý trên khía cạnh trọng

yếu về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2021, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Ban kiểm soát tóm tắt tình hình tài chính của Công ty năm 2021 như sau:

2.1. Tài sản nguồn vốn của VCW tại thời điểm 31/12/2021

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2020	2021/2020 (%)
A. Tài sản			
1. Tài sản ngắn hạn	652.380.650.397	512.624.086.899	127%
1.1. Tiền và tương đương tiền	52.942.478.054	277.482.642.947	19%
2. Tài sản dài hạn	1.626.455.694.254	1.307.482.841.259	124%
Tổng cộng tài sản	2.278.836.344.651	1.820.106.928.158	125%
B. Nguồn vốn			
1. Nợ phải trả	915.126.105.270	653.122.561.093	140%
1.1. Nợ ngắn hạn	272.833.281.221	130.444.118.516	209%
<i>Trong đó, Vay ngắn hạn</i>	<i>125.218.547.753</i>	<i>57.244.353.152</i>	<i>219%</i>
1.2. Nợ dài hạn	642.292.824.049	522.678.442.577	123%
2. Vốn chủ sở hữu	1.363.710.239.381	1.166.984.367.065	117%
<i>Trong đó, Vốn điều lệ</i>	<i>750.000.000.000</i>	<i>750.000.000.000</i>	<i>100%</i>
Tổng cộng nguồn vốn	2.278.836.344.651	1.820.106.928.158	125%

2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả kinh doanh của Công ty năm 2021 như sau :

Nội dung	2021	2020
Nhóm chỉ tiêu thanh toán		
- Chỉ số thanh toán hiện hành (lần)	2,39	3,93
- Chỉ số thanh toán nhanh (lần)	2,20	3,51
Nhóm chỉ tiêu hoạt động		
- Vòng quay các khoản phải thu khách hàng (lần)	4,68	4,94
- Số ngày thu tiền bình quân (ngày)	78	74
Nhóm chỉ tiêu cơ cấu tài chính		
- Hệ số nợ/Tổng tài sản (%)	34%	32%
- Hệ số nợ/VCSH (lần)	0,56	0,5
- Hệ số nguồn vốn dài hạn/Tổng tài sản (%)	88%	93%
- Hệ số tài sản dài hạn/Tổng tài sản (%)	71%	72%

Nhóm chỉ tiêu lợi nhuận		
- Biên lợi nhuận ròng (%)	37,8%	36,5%
- ROE	15,7%	18,2%
- ROA	11,9%	13,5%
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đ/CP)	2.649	2.573

Khả năng thanh toán ngắn hạn tại thời điểm 31/12/2021 là 2,39 lần, giảm so với thời điểm 31/12/2020 do cả tài sản ngắn hạn và nợ ngắn hạn đều gia tăng nhưng nợ ngắn hạn gia tăng ở tốc độ cao hơn. Hệ số này vẫn lớn hơn 1, phản ánh việc Công ty vẫn đang đảm bảo được khả năng hoạt động liên tục trong thời gian tới.

Hệ số Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu của Công ty tại thời điểm 31/12/2021 là 0,56 lần, có sự gia tăng nhẹ so với thời điểm 31/12/2020 (0,5 lần) do nợ phải trả tăng lên. Tuy nhiên, hệ số này vẫn ở mức rất an toàn (<3 lần).

Về hiệu quả hoạt động và lợi nhuận: cơ bản vẫn giữ vững được hiệu quả cũng như tỉ suất lợi nhuận như năm 2020.

II. Đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ và HĐQT năm 2021:

1. Đánh giá việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ:

Nghị quyết 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2021 của Đại hội đồng cổ đông đã giao cho HĐQT và Ban điều hành Công ty một số nhiệm vụ sau:

TT	Nhiệm vụ ĐHĐCĐ giao năm 2021	Kết quả thực hiện	Đánh giá
1	Phê duyệt KHKD 2021 với các chỉ tiêu chính sau: - Sản lượng: 106,27 tr m ³ . - Doanh thu: 547,3 tỷ đồng. - LNST: 164,3 tỷ đồng.	Kết quả SXKD đã đạt được các chỉ tiêu sau: - Sản lượng: 101,86 tr m ³ . - Doanh thu: 524,9 tỷ đồng. - LNST: 198,7 tỷ đồng.	Không hoàn thành kế hoạch sản lượng và doanh thu nhưng hoàn thành kế hoạch lợi nhuận.
2	Ủy quyền cho HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2021	HĐQT đã lựa chọn Công ty TNHH Deloitte Việt Nam, là 1 trong các đơn vị kiểm toán được ĐHĐCĐ lựa chọn, là đơn vị kiểm toán BCTC năm 2021 của Công ty.	Hoàn thành
3	Chi trả thù lao HĐQT và BKS	Đã thực hiện chi trả thù lao năm 2021 cho các TV HĐQT và BKS theo đúng kế hoạch đã được ĐHĐCĐ phê duyệt	Hoàn thành
4	Ủy quyền cho HĐQT căn cứ vào tình hình thực tế để thực hiện chi trả/tạm ứng cổ tức	Năm 2021, Công ty không thực hiện chi trả cổ tức cho các cổ đông để tập trung nguồn lực triển khai Dự án Sông Đà – Giai đoạn 2	Hoàn thành

5	- Ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT kí ban hành Quy chế hoạt động của HĐQT và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. - Ủy quyền cho Tổng giám đốc kí ban hành Điều lệ Công ty.	Đã kí ban hành Điều lệ và các quy chế này.	Hoàn thành
6	Giao Ban kiểm soát xây dựng quy chế hoạt động và trình ĐHCĐ trong lần họp gần nhất.	Ban kiểm soát đã xây dựng dự thảo quy chế hoạt động và trình thông qua tại ĐHCĐ thường niên năm 2022.	Hoàn thành

2. Đánh giá việc thực hiện Nghị quyết HĐQT:

Trong năm 2021, HĐQT Công ty đã tổ chức 4 buổi họp, thực hiện 31 lần lấy ý kiến bằng văn bản và đã ban hành 35 Nghị quyết để giao nhiệm vụ cho Ban điều hành Công ty. Theo đánh giá của BKS, HĐQT và Ban điều hành đã có nhiều nỗ lực chỉ đạo, điều hành để phấn đấu hoàn thành các nhiệm vụ của cổ đông giao.

III. Đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát

1. Thông tin về các thành viên Ban kiểm soát:

STT	TV BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu làm TV BKS	Ngày không còn là TV BKS	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự	Lý do không tham dự
1	Nguyễn Việt Hà	Trưởng BKS	27/4/2021		2/2	100%	
2	Nguyễn Thị Ngọc Oanh	TV BKS	27/4/2021		2/2	100%	
3	Lê Huy	TV BKS	27/4/2021		2/2	100%	

2. Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021:

Trong năm 2021, BKS Công ty đã thực hiện các nhiệm vụ chính sau:

- Giám sát việc chấp hành các quy định pháp luật, quy định nội bộ cũng như tình hình thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của ĐHCĐ, HĐQT Công ty.

- Giám sát việc chỉnh sửa, ban hành các văn bản nội bộ của Công ty, đảm bảo phù hợp với các quy định hiện hành cũng như thực tiễn hoạt động.

- Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện công tác đầu tư, công tác đấu thầu, mua sắm của Công ty và Ban Quản lý dự án.

- Giám sát tình hình thực hiện xử lý các khuyến nghị của các đoàn kiểm tra, cơ quan chức năng.

- Xem xét, thẩm định tính hợp lý của các báo cáo tài chính định kì của Công ty.
- Giám sát việc thực hiện công bố thông tin theo quy định đối với các công ty đại chúng.

3. Các cuộc họp của BKS trong năm 2021:

Trong năm 2021, BKS đã tiến hành họp 02 phiên. Nội dung cụ thể của từng phiên họp như sau:

Phiên họp	Thành phần	Nội dung
Phiên 01 Ngày 27/04/2021	3/3	- Xây dựng kế hoạch hoạt động năm 2021. - Bầu trưởng BKS và phân công công việc giữa các thành viên trong BKS. - Đề xuất phương án phối hợp, tiếp nhận thông tin/báo cáo giữa BKS và HĐQT/Ban điều hành.
Phiên 02 Ngày 20/09/2021	3/3	- Đánh giá kết quả hoạt động SXKD, việc thực hiện các NQ ĐHĐCĐ và HĐQT tới 30/6/2021. - Thẩm tra BCTC 6 tháng đầu năm 2021. - Đánh giá công tác đầu tư và triển khai Dự án Giai đoạn 2 tới 30/6/2021. - Rà soát việc thực hiện công tác quản trị nội bộ, việc thực hiện các hợp đồng,...

Ngoài ra, trong năm 2021, BKS bố trí đã tham gia đầy đủ tất cả các cuộc họp HĐQT để nắm bắt tình hình hoạt động của Công ty, nâng cao hiệu quả giám sát của BKS.

4. Thù lao, chi phí của BKS:

- Về thù lao Ban kiểm soát: Công ty đã thực hiện chi trả thù lao năm 2021 cho Ban kiểm soát theo đúng kế hoạch thù lao đã được ĐHĐCĐ phê duyệt (*chi tiết xem trong Tờ trình về chi trả thù lao cho HĐQT/BKS năm 2021 của HĐQT*).

- Về chi phí Ban kiểm soát: Trong năm 2021, Ban kiểm soát không phải sử dụng bất kì dịch vụ thuê ngoài cũng như làm phát sinh bất cứ chi phí nào khác.

IV. Kết quả giám sát của BKS:

1. Về giao dịch với các bên liên quan:

Trong năm 2021, Công ty đã phát sinh các giao dịch sau với bên liên quan như sau:

STT	Bên liên quan	Nội dung giao dịch
1	Công ty cổ phần Hạ tầng Gelex	Vay vốn

2	Công ty TNHH Nước sạch REE	Vay vốn
3	CTCP Chế tạo Điện cơ Hà Nội	Cung cấp hàng hóa/dịch vụ

Các hợp đồng này đều đã được Ban điều hành Công ty rà soát và trình Hội đồng quản trị thông qua trước khi kí kết, tuân thủ theo đúng quy định về thông qua giao dịch với các bên liên quan tại Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT.

2. Giám sát hoạt động của Ban kiểm soát với HĐQT/Ban điều hành:

- Ban kiểm soát đã thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động của HĐQT và Ban điều hành Công ty, theo đó:

+ HĐQT đã thực hiện đầy đủ các cuộc họp định kì cũng như kịp thời lấy ý kiến các nội dung theo thẩm quyền bằng văn bản để thống nhất chiến lược, định hướng phát triển và chỉ đạo công tác sản xuất, đầu tư kịp thời, phù hợp thực tế. Các phiên họp HĐQT có số lượng các thành viên tham gia đảm bảo theo đúng quy định, nội dung các cuộc họp được ghi chép đầy đủ, phản ánh đúng diễn biến cuộc họp và được lưu trữ tại Công ty.

+ Các vấn đề HĐQT thông qua trong các cuộc họp đều được ban hành bằng các nghị quyết/quyết định để giao nhiệm vụ cho Ban điều hành. Qua rà soát của Ban kiểm soát, các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT đều được ban hành hợp lệ, đúng với thẩm quyền và thực hiện đúng chế độ công bố thông tin đối với công ty đại chúng chưa niêm yết.

+ Về việc thực hiện các nghị quyết/quyết định của HĐQT: tới thời điểm 31/12/2021, Ban điều hành Công ty đã thực hiện nghiêm túc và cơ bản hoàn thành các nội dung nghị quyết/quyết định của HĐQT (*chi tiết đánh giá tại Phụ lục đính kèm*).

- Về việc giám sát tuân thủ: trong năm 2021, Ban kiểm soát chưa ghi nhận dấu hiệu bất thường nào làm ảnh hưởng hay vi phạm quy định pháp luật của Công ty trong công tác, hoạt động của các thành viên HĐQT, Ban điều hành và các cán bộ quản lý. Ngoài ra, Ban kiểm soát cũng không nhận được bất kì khiếu nại nào của cổ đông về các sai phạm của HĐQT và Ban điều hành trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao.

3. Sự phối hợp giữa Ban kiểm soát với HĐQT/Ban điều hành:

- Ban kiểm soát luôn nhận được thường xuyên và đầy đủ thông tin về các cuộc họp HĐQT, các tài liệu trong các lần lấy ý kiến bằng văn bản, tình hình thực hiện Nghị quyết/Quyết định của HĐQT/Ban điều hành Công ty để triển khai các nhiệm vụ được ĐHCĐ giao.

- HĐQT/Ban điều hành Công ty luôn hợp tác, tạo điều kiện để Ban kiểm soát thực hiện các công việc/nhiệm vụ của mình như cung cấp thông tin, tài liệu hoặc cử cán bộ làm việc khi có yêu cầu.

4. Kiến nghị của Ban kiểm soát:

Thông qua công tác giám sát định kì thực hiện, BKS xin kiến nghị một số nội dung để nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty như sau:

- Thúc đẩy tiến độ Dự án giai đoạn 2 để đảm bảo dự án hoàn thành theo đúng tiến độ điều chỉnh. Cụ thể:

+ Khẩn trương hoàn thành công tác điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi, trình ngân hàng thẩm định để sớm có thể giải ngân, đảm bảo nguồn vốn thực hiện dự án.

+ Làm việc với các nhà thầu gói thầu EPC02 để tìm kiếm biện pháp thúc đẩy, bù đắp tiến độ do ảnh hưởng của dịch bệnh, đảm bảo tiến độ thực hiện của hợp đồng.

+ Thúc đẩy các tiến độ hạng mục khác, đảm bảo tiến độ thực hiện theo kế hoạch.

- Xây dựng phương án, kế hoạch tổng thể đẩy mạnh công tác thị trường (đầu tư tuyến ống cấp 2, triển khai chương trình hậu mãi,...) để thực hiện song song cùng công tác đầu tư Dự án Giai đoạn 2, đảm bảo sau khi Dự án hoàn thành có thể sớm tiêu thụ hết sản lượng nước gia tăng, giúp nâng cao hiệu quả Dự án cũng như đảm bảo dòng tiền trả nợ.

- Chuẩn bị sẵn sàng các phương án điều chỉnh giá nước để làm việc với các cơ quan chức năng khi có yêu cầu.

- Rà soát sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hệ thống văn bản quản trị nội bộ để nâng cao hiệu quả công tác quản trị.

V. Kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2022:

- Giám sát việc thực hiện các Nghị quyết ĐHĐCĐ và HĐQT thông qua trong năm 2022.

- Giám sát việc tuân thủ pháp luật, các quy định nội bộ trong việc thực hiện công tác sản xuất kinh doanh của HĐQT và Ban điều hành Công ty.

- Xem xét, giám sát việc ban hành các văn bản/quy định nội bộ do HĐQT và Ban điều hành trong năm 2022, đảm bảo tính tuân thủ pháp luật cũng như phù hợp với thực tiễn hoạt động của Công ty.

- Định kì rà soát, đánh giá các chỉ tiêu tài chính để cảnh báo các rủi ro trong quá trình hoạt động của Công ty.

- Phối hợp chặt chẽ với đơn vị kiểm toán độc lập trong việc xem xét các báo cáo đánh giá và giám sát việc thực thi các vấn đề được đơn vị kiểm toán đưa ra trong thuyết minh và thư khuyến nghị kiểm toán (nếu có).

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác đầu tư, mua sắm của Công ty.

- Giám sát việc thực hiện giao dịch giữa Công ty với các bên liên quan, đảm bảo quyền lợi của các cổ đông.

- Giám sát công tác đầu tư xây dựng Dự án Giai đoạn 2, đầu tư tuyến ống cấp 2 trong năm 2022.

- Thực hiện rà soát, thẩm tra các nội dung theo kiến nghị của cổ đông (nếu có).

Trên đây là báo cáo về kết quả hoạt động năm 2021 và kế hoạch hoạt động năm 2022 của Ban kiểm soát Công ty, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

TM. BAN KIỂM SOÁT

Trưởng Ban



Nguyễn Việt Hà

PHỤ LỤC: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC NQ, QĐ HĐQT NĂM 2021
(kết quả thực hiện tính đến ngày 31/12/2021)

TT	Số NQ, QĐ	Ngày	Nội dung	Tình hình thực hiện
Nghị quyết HĐQT năm 2021				
1	01/2021/NQ-HĐQT	21/01/2021	<ol style="list-style-type: none"> 1. Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu EPC02; 2. Phê duyệt các nội dung thay đổi của Dự thảo Hợp đồng sau khi thương thảo so với Dự thảo Hợp đồng đã được phê duyệt trong hồ sơ mời thầu; 3. Phê duyệt Dự thảo Hợp đồng gói thầu EPC02; 4. Ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT Công ty ký QĐ phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu và Dự thảo Hợp đồng gói thầu EPC02; 5. Giao và Ủy quyền TGD Công ty rà soát, ký kết và triển khai thực hiện Hợp đồng gói thầu EPC02. 	Hoàn thành
2	02/2021/NQ-HĐQT	26/01/2021	Miễn nhiệm chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2020 -2025 với ông Lương Thanh Tùng; bổ nhiệm ông Bùi Lê Khoa giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2020-2025 kể từ ngày 26/01/2021.	Hoàn thành
3	03/2021/NQ – HĐQT	26/01/2021	<ol style="list-style-type: none"> 1. Công ty tiếp tục thực hiện công việc đã được HĐQT giao tại NQ số 16/2020/NQ-HĐQT ngày 30/7/2020 và NQ số 18/2020/NQ-HĐQT ngày 05/11/2020; 2. Thông qua Báo cáo số 11/2021/BC/HĐQT ngày 15/01/2021 về việc thực hiện công tác đầu 	<ul style="list-style-type: none"> - Các nội dung 1; 2; 5; 6; 7; 8 đã hoàn thành - Các nội dung còn lại hiện đang tiếp tục thực hiện.

			<p>tư năm 2020 và kế hoạch hoạt động đầu tư năm 2021 của Chi nhánh Công ty;</p> <p>3. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu cải tạo hệ thống giai đoạn I; HĐQT giao BQLDA lựa chọn các tiêu chí kỹ thuật phù hợp để lựa chọn thiết bị đảm bảo chất lượng;</p> <p>4. Thông qua việc triển khai trước một số công việc cấp bách nêu tại Tờ trình 18/2021/TTr – VIWASUPCO ngày 21/1/2021;</p> <p>5. Phê duyệt phương án đầu tư phát triển thị trường khu vực ngoại thành Hà Nội thuộc vùng phục vụ cấp nước của Công ty CPĐT Nước sạch Sông Đà;</p> <p>6. Thống nhất chủ trương vay vốn 02 Cổ đông lớn để bù đắp dòng tiền đầu tư tuyển ống truyền tải giai đoạn II;</p> <p>7. Thông qua miễn nhiệm chức danh Chủ tịch HĐQT, bầu Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2020-2025 và phân công nhiệm vụ các thành viên HĐQT;</p> <p>8. Thông qua việc chi lương tháng 13 cho CBCNV Công ty.</p>		
4	04/2021/NQ –HĐQT	08/3/2021	Chốt danh sách Cổ đông để tham dự quyền tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021.	Hoàn thành	
5	05/2021/NQ –HĐQT	27/4/2021	Miễn nhiệm Chủ tịch HĐQT với ông Bùi Lê Khoa, bầu ông Nguyễn Hoàng Long giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT, Ông Bùi Lê Khoa và ông Trương Khắc Hoàn giữ chức vụ Phó chủ tịch HĐQT kể từ ngày 27/4/2021.	Hoàn thành	

6	06/2021/NQ-HĐQT	10/05/2021	Phê duyệt kế hoạch chuẩn bị đầu tư Dự án mạng lưới truyền tải cấp II	Hoàn thành
7	07/2021/NQ-HĐQT	18/6/2021	Phê duyệt sửa đổi nội dung Hợp đồng cầm cố cổ phiếu số 20/TAH/8106002/HĐCC/01 ký giữa Công ty cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà và Ngân hàng Thương Mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam chi nhánh Tây Hồ.	Hoàn thành
8	08/2021/NQ-HĐQT	24/06/2021	Phê duyệt đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021.	Hoàn thành
9	09/2021/NQ-HĐQT	30/6/2021	Phê duyệt việc điều chỉnh, bổ sung điều khoản thanh toán tại Mục 1, Phụ lục 2.1, Phụ lục 2 của Hợp đồng số 02/2021/VIWASUPCO-VIWASEEN - HAPUMA-SCDI ngày 25/01/2021.	Hoàn thành
10	10/2021/NQ-HĐQT	23/7/2021	<ol style="list-style-type: none"> Báo cáo số 245/2021/BC-VIWASUPCO ngày 02/7/2021 về kết quả sản xuất kinh doanh & đầu tư 6 tháng đầu năm 2021 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh & đầu tư 6 tháng cuối năm 2021; Tờ trình số 248/2021/BC-VIWASUPCO ngày 02/7/2021 về việc xin phê duyệt chủ trương nghiên cứu, đầu tư các hạng mục đầu nối mạng truyền tải cấp II hệ thống cấp nước Sông Đà với các khách hàng phân phối nước; Tờ trình số 249/2021/BC-VIWASUPCO ngày 02/7/2021 về việc xin phê duyệt Dự thảo Hợp đồng mua bán nước sạch và hợp đồng thuê ống với Công ty Môi trường Đô thị Xuân Mai; Xem xét, phê duyệt bán Dự thảo phân công nhiệm vụ các Thành viên HĐQT. 	<p>Hoàn thành các Mục 1, 3,4</p> <p>Mục 2: Đang triển khai thực hiện</p>

11	11/2021/NQ-HĐQT	23/7/2021	Phê duyệt phương án triển khai nạo vét bãi bồi khu vực cửa kênh dẫn nước Sông;	Đang thực hiện
12	12/2021/NQ-HĐQT	23/7/2021	Đồng ý chủ trương cho Công ty nghiên cứu, triển khai đầu tư các hạng mục đầu nối để truyền tải nước sạch từ tuyến ống truyền tải cấp II hệ thống cấp nước Sông Đà cho các khách hàng phân phối nước để phát huy tối đa khả năng cung cấp nước sạch cho khách hàng của Công ty trong vùng dịch vụ cấp nước của Công ty với 10 tuyến ống cấp II như tờ trình số 248/2021/TTr-VI WASUPCO ngày 02/7/2021.	Đang triển khai thực hiện
13	13/2021/NQ-HĐQT	23/7/2021	Phê duyệt chủ trương triển khai trước công tác nghiên cứu, khảo sát, lập thiết kế bản vẽ thi công các hạng mục còn lại của Dự án Hệ thống cấp nước chuỗi đô thị Sơn Tây - Hòa Lạc - Xuân Mai - Miếu Môn - Hà Nội - Hà Đông giai đoạn II nâng công suất lên 600.000 m ³ /ng.đ (Dự án giai đoạn II).	Đang triển khai thực hiện
14	14/2021/NQ-HĐQT	23/7/2021	Phê duyệt phương án xử lý các vật tư dư thừa của Hợp đồng EPC -01: Thiết kế, mua sắm, cung cấp vật tư và thiết bị, thi công xây dựng và lắp đặt công trình Trạm điều tiết Tây Mỗ và Tuyến ống truyền tải nước sạch dài 6,4km từ Trạm điều tiết Tây Mỗ về đường Vành Đai 3 Hà Nội.	Đang triển khai thực hiện
15	15/2021/NQ-HĐQT	23/7/2021	Phê duyệt phương án vay vốn và Dự thảo Hợp đồng vay vốn phục vụ Dự án giai đoạn II.	Hoàn thành
16	16/2021/NQ-HĐQT	25/8/2021	Thông qua phương án xử lý các vướng mắc về mặt bằng thi công tuyến ống truyền tải nước sạch của Dự án giai đoạn II.	Đang triển khai thực hiện

17	17/2021/NQ-HĐQT	01/9/2021	Thông qua việc bổ sung Kế hoạch lựa chọn nhà thầu (LCNT) gói thầu tư vấn thiết kế bản vẽ thi công các hạng mục còn lại của Dự án giai đoạn II.	Đang triển khai thực hiện
18	18/2021/NQ-HĐQT	6/9/2021	Thông qua Công tác cấp vốn đầu tư cho Ban QLDA Nước sạch Sông Đà.	Hoàn thành cho năm 2021
19	19/2021/NQ-HĐQT	8/10/2021	Phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu, phê duyệt hồ sơ yêu cầu (HSYC) Gói thầu GĐ1.CT01 “ <i>Thiết kế BYTC, mua sắm thiết bị, thi công xây dựng cái tạo và lắp đặt hạng mục Trạm bơm Sông, Trạm bơm hồ</i> ” thuộc Dự án hệ thống cấp nước chuỗi đô thị Sơn Tây - Hòa Lạc - Xuân Mai - Miếu Môn - Hà Nội - Hà Đông giai đoạn II, nâng công suất lên 600.000 m ³ /ng.đ (Dự án giai đoạn II).	Đang triển khai thực hiện Hợp đồng
20	20/2021/NQ-HĐQT	8/10/2021	Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu GĐ1.CT01: “ <i>Thiết kế BYTC, mua sắm thiết bị, thi công xây dựng cái tạo và lắp đặt hạng mục Trạm bơm Sông, Trạm bơm hồ</i> ” thuộc Dự án hệ thống cấp nước chuỗi đô thị Sơn Tây - Hòa Lạc - Xuân Mai - Miếu Môn - Hà Nội - Hà Đông giai đoạn II.	Đã ký HĐ, đang triển khai thực hiện HĐ
21	21/2021/NQ-HĐQT	11/10/2021	Chấp thuận chủ trương đầu tư triển khai trước Trạm bơm đã chiến là một phần của Biện pháp thi công phục vụ xây dựng hạng mục Trạm bơm dâng; Triển khai trước hạng mục trạm bơm dâng thuộc dự án Hệ thống cấp nước chuỗi đô thị Sơn Tây - Hòa Lạc - Xuân Mai - Miếu Môn - Hà Nội - Hà Đông giai đoạn II, nâng công suất lên 600.000m ³ /ngđ.	Không thực hiện xây dựng Trạm bơm đã chiến; Đang hoàn thiện các thủ tục để triển khai thi công Trạm bơm dâng.

22	22/2021/NQ-HĐQT	15/10/2021	Phê duyệt điều chỉnh tiến độ Dự án giai đoạn 2 hệ thống cấp nước chuỗi đô thị Sơn Tây - Hòa Lạc - Xuân Mai - Miếu Môn - Hà Nội - Hà Đông giai đoạn II.	Hoàn thành
23	23/2021/NQ-HĐQT	4/11/2021	Phê duyệt nội dung dự thảo Hợp đồng gói thầu GĐ1.CT01 "Thiết kế bản vẽ thi công, mua sắm thiết bị thi công xây dựng cái tạo và lắp đặt hạng mục Trạm bơm Sông, trạm bơm Hồ".	Hoàn thành (đã ký HĐ), đang triển khai thực hiện HĐ
24	24/2021/NQ-HĐQT	19/11/2021	Phê duyệt bổ sung kế hoạch lựa chọn nhà thầu một số gói thầu cấp bách của hạng mục trạm bơm đang thuộc dự án giai đoạn 2.	Hoàn thành
25	25/2021/NQ-HĐQT	26/11/2021	Chấp thuận việc bổ sung cảm biến rung cho động cơ, cảm biến nhiệt và cảm biến rung cho bơm vào Hợp đồng số 21/2021/HĐKT-VI WASUPCO -HEM/PECOM/WATECH ký ngày 04/11/2021 về việc thiết kế bản vẽ thi công, mua sắm thiết bị, thi công xây dựng cái tạo và lắp đặt hạng mục Trạm bơm sông, Trạm bơm hồ.	Đang thực hiện
26	26/2021/NQ-HĐQT	26/11/2021	Phê duyệt việc bổ sung thêm 01 Phó Giám đốc Ban quản lý Dự án vào cơ cấu tổ chức định biên nhân sự của BQLDA Nước sạch Sông Đà (Nguyễn Chí Thịnh).	Hoàn thành
27	27/2021/NQ-HĐQT	26/11/2021	Phê duyệt việc bổ sung 01 Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc ban quản lý dự án vào cơ cấu tổ chức và định biên nhân sự của Công ty.	Hoàn thành
28	28/2021/NQ-HĐQT	26/11/2021	Thông nhất triển khai một số công việc chung: (1) hoàn thiện các hồ sơ; (2) làm việc với cơ quan chức năng, ngân hàng để điều chỉnh chủ	Mục 1, 2: đã hoàn thành, đang đợi cấp giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh

			trương đầu tư và cấp GCN đầu tư điều chỉnh; (3) thẩm định dự án đầu tư điều chỉnh; thẩm định phân công nghệ của Dự án giai đoạn 2; (4) thực hiện hoạt động M&A, hoàn thuế VAT; (5) đầu tư tuyển ồng cấp 2.	Mục 3: Đang đợi Bộ Xây dựng thẩm định FS Mục 4,5: Đang thực hiện
29	29/2021/NQ-HĐQT	26/11/2021	Phê duyệt công việc đã triển khai trước và chấp thuận điều chỉnh, bổ sung mốc thanh toán trong Hợp đồng EPC02.	Hoàn thành
30	30/2021/NQ-HĐQT	26/11/2021	Thông nhất việc đóng mã số thuế của Ban quản lý dự án.	Đang triển khai thực hiện
31	31/2021/NQ-HĐQT	26/11/2021	Thông nhất việc xử lý, khắc phục sự cố đoạn kênh dẫn bị sạt trượt tại vị trí Km2+200 - Km2+300.	Đang thực hiện
32	32/2021/NQ-HĐQT	29/11/2021	Thông qua việc vay vốn bổ sung cho dự án giai đoạn 2.	Đang thực hiện
33	33/2021/NQ-HĐQT	29/11/2021	Phê duyệt việc thành lập tổ thẩm định hồ sơ thiết kế cơ sở điều chỉnh hạng mục Trạm bơm dâng thuộc Dự án giai đoạn II.	Hoàn thành
34	34/2021/NQ-HĐQT	5/12/2021	Phê duyệt hồ sơ thiết kế cơ sở điều chỉnh hạng mục Trạm bơm dâng thuộc dự án giai đoạn 2.	Hoàn thành
35	35/2021/NQ-HĐQT	29/12/2021	Phê duyệt vật liệu ồng và cấp nhật Tổng mức đầu tư cho Dự án tuyển ồng cấp II.	Hoàn thành
Quyết định của HĐQT				
01	01/2021/QĐ -HĐQT	12/01/2021	Quyết định về việc phê duyệt giá gói thầu TV-32 : Tư vấn giám sát thi công xây dựng tuyến ồng truyền tải nước sạch đoạn từ Khu xử lý đến Trạm điều tiết Tây Mỗ (Km7+800) thuộc dự án	Hoàn thành

			hệ thống cấp nước chuỗi đô thị Sơn Tây - Hòa Lạc.	
02	02/2021/QĐ -HDQT		Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu EPC-02: mua sắm vật tư và thi công xây dựng tuyến ống từ Khu xử lý đến Trạm điều tiết Tây Mỗ thuộc Dự án hệ thống giai đoạn 2.	Hoàn thành
03	03/2021/QĐ -HDQT		Quyết định về việc phê duyệt Dự thảo Hợp đồng gói thầu EPC-02: mua sắm vật tư và thi công xây dựng tuyến ống từ Khu xử lý đến Trạm điều tiết Tây Mỗ thuộc Dự án hệ thống giai đoạn 2.	Hoàn thành việc ký Hợp đồng, đang triển khai thực hiện HD
04	04/2021/QĐ -HDQT		Quyết định phê duyệt bổ sung kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu cải tạo hệ thống giai đoạn 1 thuộc Dự án giai đoạn 2.	Đang triển khai thực hiện
05	05/2021/QĐ -HDQT		Quyết định về việc cấp vốn đầu tư đợt 1 cho Chi nhánh Công ty - Ban quản lý Dự án Nước sạch Sông Đà.	Hoàn thành
06	06/2021/QĐ -HDQT		Quyết định về việc thành lập Tổ thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư Dự án phát triển mạng truyền tải cấp II hệ thống cấp nước Sông Đà.	Hoàn thành

Số: 1.25/2022/BC-HĐQT

Hoà Bình, ngày 25 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO

“V/v: Thực hiện các nội dung ủy quyền của Đại hội đồng Cổ đông
cho Hội đồng quản trị”

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Căn cứ luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần đầu tư nước sạch Sông Đà (“Công ty”) đã được Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) thông qua ngày 27/4/2021;

Căn cứ quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị (“HĐQT”) Công ty đã được ĐHCĐ thông qua ngày 27/4/2021;

Căn cứ các Nghị quyết ĐHCĐ có liên quan;

HĐQT xin được báo cáo Đại hội đồng cổ đông ĐHCĐ thường niên năm 2022 một số nội dung được ĐHCĐ ủy quyền đã và đang thực hiện trong năm 2021 như sau:

I. Các nội dung ủy quyền liên quan đến đầu tư Dự án giai đoạn II

Thực hiện Nghị quyết số 01/2018/NQ-ĐHCĐ ngày 01/02/2018, Nghị quyết số 01/2020/NQ-ĐHCĐ ngày 29/04/2020 và Nghị quyết số 01/2021/NQ-ĐHCĐ ngày 27/4/2021 của ĐHCĐ Công ty về việc ủy quyền cho HĐQT Công ty thực hiện các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm ĐHCĐ được pháp luật/Điều lệ Công ty quy định liên quan đến việc triển khai đầu tư, thực hiện Dự án giai đoạn II điều chỉnh cũng như ủy quyền cho HĐQT thực hiện một số các nội dung khác liên quan đến Dự án giai đoạn II.

1. HĐQT đã thực hiện một số công việc và ban hành các Nghị quyết và Quyết định có liên quan tới các nội dung được ủy quyền như sau:

- Nghị quyết số 22/2021/NQ -HĐQT ngày 15/10/2021 của HĐQT Công ty về việc: điều chỉnh tiên độ Dự án giai đoạn II, hệ thống cấp nước chuỗi đô thị Sơn Tây - Hòa Lạc - Xuân Mai - Miếu Môn - Hà Nội - Hà Đông giai đoạn 2, nâng công suất lên 600.000 m3/ngđ;

2. Các nội dung công việc đang tiếp tục triển khai thực hiện theo ủy quyền của ĐHCĐ tại Nghị quyết số 01/2020/NQ-ĐHCĐ ngày 29/4/2020 và Nghị quyết số 01/2021/NQ-ĐHCĐ ngày 27/4/2022:

- Về việc Phê duyệt Dự án Giai đoạn II điều chỉnh: Hiện Công ty đang trình Bộ xây dựng thẩm định thiết kế cơ sở. Sau khi có kết quả thẩm định của Bộ xây dựng, HĐQT Công ty sẽ tiến hành phê duyệt dự án giai đoạn II điều chỉnh theo nội dung Nghị quyết số 01/2020/NQ-ĐHCĐ ngày 29/4/2020 và Nghị quyết số 01/2021/NQ-ĐHCĐ ngày 27/4/2021;

HĐQT Công ty kính báo cáo ĐHCĐ được biết về các công việc đã và đang triển khai thực hiện liên quan đến Dự án giai đoạn II trong thời gian vừa qua, đồng thời kiến nghị ĐHCĐ tiếp tục ủy quyền cho HĐQT Công ty thực hiện các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của ĐHCĐ được pháp luật/Điều lệ Công ty quy định liên quan đến việc triển khai, thực hiện Dự án giai đoạn II phù hợp với quy định hiện Pháp luật hiện hành. HĐQT Công ty có trách nhiệm báo cáo ĐHCĐ tại kỳ họp ĐHCĐ gần nhất về việc thực hiện các nội dung ủy quyền trên.

II. Các nội dung ủy quyền khác

Căn cứ vào các nội dung đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 ủy quyền cho HĐQT Công ty tại Nghị quyết số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/4/2021, HĐQT xin được báo cáo về tình hình thực hiện các nội dung ủy quyền khác tại Nghị quyết số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ trong năm 2021 như sau:

1. Về việc căn cứ vào tình hình diễn biến dịch Covid 19 để điều chỉnh chỉ tiêu sản xuất kinh doanh:

HĐQT, Ban Giám đốc luôn bám sát tình hình diễn biến của dịch Covid 19 và nhu cầu tiêu thụ nước cũng như điều chỉnh biện pháp phòng chống dịch dựa trên diễn biến dịch Covid 19 tại Hòa Bình và Hà Nội để đảm bảo công tác cấp nước được đảm bảo liên tục. Do vậy HĐQT và ban điều hành vẫn giữ nguyên kế hoạch Sản xuất kinh doanh đã được ĐHĐCĐ thông qua và trong năm 2021 công ty đã đạt được: doanh thu 95,92% và Lợi nhuận sau thuế đạt 120,99% so với kế hoạch ĐHĐCĐ giao.

2. Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021:

- Ngày 24/6/2021, HĐQT Công ty đã ban hành Nghị quyết số 08/2021/NQ-HĐQT về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty. Cụ thể, đã lựa chọn Công ty TNHH Deloitte Việt Nam là đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021.

3. Về việc chi trả/tạm ứng cổ tức năm 2021.

Trong năm 2021, công tác thu xếp vốn từ VCB Tây Hồ cho dự án giai đoạn II hiện đang tạm dừng, do vậy dòng tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh được dùng để giải ngân cho dự án Giai đoạn II, Việc chi trả cổ tức năm 2021 sẽ được nêu cụ thể trong tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2021.

4. Về việc ký ban hành Điều lệ Công ty và Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty:

- Ngày 27/4/2021, Chủ tịch HĐQT đã ký ban hành Quyết định số 07/2021/QĐ-HĐQT về việc ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty;

- Ngày 27/4/2021, Chủ tịch HĐQT đã ký ban hành Quyết định số 08/2021/QĐ-HĐQT về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty;

- Ngày 27/4/2021, Tổng Giám đốc đã ký ban hành Điều lệ Công ty.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi,
- Lưu HĐQT, TCHC.



**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hoàng Long

PHỤ LỤC
CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

ĐIỀU KHOẢN	NỘI DUNG HIỆN TẠI	NỘI DUNG SAU KHI SỬA ĐỔI
Điều 1 Khoản 1 điểm 1	<p>Định nghĩa</p> <p>1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:</p> <p>...</p> <p>l. “Luật Doanh nghiệp” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;</p>	<p>Định nghĩa</p> <p>1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:</p> <p>...</p> <p>l. “Luật Doanh nghiệp” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung được Quốc hội ban hành vào từng thời điểm;</p>
Điều 21 Khoản 1 và 2	<p>Điều kiện để Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua</p> <p>1. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số cổ phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp tán thành:</p> <p>a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại (kể cả việc phát hành thêm cổ phần để tăng vốn điều lệ);</p> <p>b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</p> <p>c. Sửa đổi và bổ sung Điều lệ;</p> <p>d. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty;</p> <p>e. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p>	<p>Điều kiện để Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua</p> <p>1. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các Khoản 2, 3, 4 và 6 của Điều này:</p> <p>a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại (kể cả việc phát hành thêm cổ phần để tăng vốn điều lệ);</p> <p>b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</p> <p>c. Sửa đổi và bổ sung Điều lệ;</p> <p>d. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty;</p> <p>e. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p>

	<p>f. Tổ chức lại (bao gồm cả việc sáp nhập hoặc hợp nhất), giải thể Công ty;</p> <p>g. Phát hành trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước.</p> <p>2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại Khoản 1, Khoản 3, Khoản 4 Điều 21</p>	<p>f. Tổ chức lại (bao gồm cả việc sáp nhập hoặc hợp nhất), giải thể Công ty; và</p> <p>g. Phát hành trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước.</p> <p>2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 3, 4 và 6 của Điều này.</p>
<p>Điều 28 Khoản 14 điểm i</p>	<p>Các cuộc họp của Hội đồng quản trị</p> <p>...</p> <p>i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, g và h khoản 14 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.</p>	<p>Các cuộc họp của Hội đồng quản trị</p> <p>...</p> <p>i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, g và h khoản 14 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.</p> <p>Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.</p>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NƯỚC SẠCH SÔNG ĐÀ

**QUY CHẾ
HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT**

Hà Nội, tháng 5 năm 2021

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG BAN KIỂM SOÁT

Mã hiệu:.....
01/00

Ngày hiệu lực: Lần ban hành/sửa đổi:

MỤC LỤC

CHƯƠNG 1. QUY ĐỊNH CHUNG	3
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	3
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát	3
CHƯƠNG 2. THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)	3
Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát.....	3
Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát.....	3
Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát.....	4
Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát	4
Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát.....	5
Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.....	5
Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát	5
Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.....	6
CHƯƠNG 3. BAN KIỂM SOÁT	6
Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát	6
Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát	8
Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.....	9
CHƯƠNG 4. CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT	9
Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát	9
Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát.....	10
CHƯƠNG 5. BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH	10
Điều 16. Trình báo cáo hàng năm	10
Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác	11
Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan	11
CHƯƠNG 6. MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT	12
Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát.....	12
Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành	12
Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị	12
CHƯƠNG 7. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	12
Điều 22. Hiệu lực thi hành	12

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG BAN KIỂM SOÁT

Mã hiệu:.....
01/00

Ngày hiệu lực: Lần ban hành/sửa đổi:

CHƯƠNG 1. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát của Công ty cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà (“**Công ty**”) này (sau đây gọi là “**Quy chế**”) quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật doanh nghiệp năm 2020 (“**Luật Doanh nghiệp**”), Điều lệ Công ty và các quy định khác có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Ban kiểm soát, các thành viên Ban Kiểm soát và các bộ phận, cá nhân có liên quan khác.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.

CHƯƠNG 2. THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.
3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.
6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.
7. Các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm khác theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG BAN KIỂM SOÁT

Mã hiệu:.....
01/00

Ngày hiệu lực: Lần ban hành/sửa đổi:

1. Ban kiểm soát có 03 thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
4. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - (a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
 - (b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;
 - (c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác;
 - (d) Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;
 - (e) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - (f) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;
 - (g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.
2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, trường hợp Công ty là công ty đại chúng thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật doanh nghiệp, thành viên Ban kiểm soát không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Công ty.

Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG BAN KIỂM SOÁT

Mã hiệu:.....
01/00

Ngày hiệu lực: Lần ban hành/sửa đổi:

2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.
3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ Công ty quy định.

Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người/ứng cử vào Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế này. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:
 - (a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;
 - (b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - (c) Trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:
 - (a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG BAN KIỂM SOÁT

Mã hiệu:.....
01/00

Ngày hiệu lực: Lần ban hành/sửa đổi:

- (b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trù trường hợp bất khả kháng;
- (c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
- (d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:

- (a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- (b) Trình độ chuyên môn;
- (c) Quá trình công tác;
- (d) Các chức danh quản lý khác;
- (e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- (f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty;

Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo, công bố thông tin về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định pháp luật và Điều lệ, quy định nội bộ của Công Ty.

CHƯƠNG 3. BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG BAN KIỂM SOÁT

Mã hiệu:.....

Ngày hiệu lực:

Lần ban hành/sửa đổi:

01/00

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cân trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.
5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.
6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.
10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.
11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.
13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG BAN KIỂM SOÁT

Mã hiệu:.....
01/00

Ngày hiệu lực: Lần ban hành/sửa đổi:

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.
2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

CHƯƠNG 5. BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.
3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.
4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát;
5. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.
6. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
7. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.
8. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG BAN KIỂM SOÁT

Mã hiệu:.....
01/00

Ngày hiệu lực: Lần ban hành/sửa đổi:

- Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

- Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
- Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
- Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

- Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
 - Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
- Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
- Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
- Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát đó hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát đi theo

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG BAN KIỂM SOÁT

Mã hiệu:.....
01/00

Ngày hiệu lực: Lần ban hành/sửa đổi:

quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

CHƯƠNG 6. MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG 7. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

Quy chế này được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua theo Nghị quyết số ngày/...../2022 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua đó.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN